



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 26/2024
Từ 01/7 - 05/7/2024

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG

VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**HÀ NỘI PHẢI ĐI ĐẦU TRONG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ**

Tại Hội nghị sơ kết 6 tháng triển khai Đề án 06 trên địa bàn TP. Hà Nội diễn ra sáng ngày 28/6/2024, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu TP. Hà Nội phải là địa phương đi đầu trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số, hướng tới xã hội văn minh, hiện đại.



Thủ tướng Phạm Minh Chính phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

Thời gian vừa qua, công tác triển khai Đề án 06 của TP. Hà Nội đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận nhất là trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện được Thành ủy, Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành của TP. Hà Nội triển khai quyết liệt, đồng bộ với quyết tâm cao, tạo ra sự chuyển biến tích cực. Công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý đồng bộ, minh bạch, hiệu lực được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả tích cực; công tác triển khai dịch vụ công trực tuyến ngày càng sâu rộng, hiệu quả.

TP. Hà Nội là địa phương đầu tiên thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính với hơn 600 thủ tục hành chính đến hết năm 2025. Cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên VneID đạt 55,67%; giúp tiết kiệm 10,7 tỷ đồng/năm cho người dân và 6,85 tỷ đồng cho cơ quan hành chính nhà nước tại Hà Nội.

Kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tiếp tục được đẩy mạnh, tạo tiện ích trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tới người dân, doanh nghiệp. Cùng với đó, thành phố đã triển khai phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin; đây là một giải pháp khả thi để tháo gỡ các điểm nghẽn, góp phần triển khai nhanh và hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 và chuyển đổi số trên địa bàn.

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ biểu dương những nỗ lực, cố gắng và kết quả đạt được của TP. Hà Nội trong triển khai Đề án 06 thời gian qua.

Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ rõ những tồn tại, hạn chế như tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng còn thấp; còn một số dịch vụ công trực tuyến mang tính hình thức; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa cao; Hạ tầng số chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển; Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn nhiều hạn chế, bất cập; Công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin ở nhiều cơ quan chưa được quan tâm đúng mức.

Từ sơ kết công tác triển khai trong thời gian qua và trên cơ sở nhận diện những tồn tại, hạn chế đã nêu, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn để TP. Hà Nội lưu ý quán triệt trong thời gian tới, trong đó nhấn mạnh, phải luôn quán triệt, bám sát chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Thành ủy, tuân thủ nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thúc đẩy triển khai hiệu quả Đề án 06.

Huy động sự vào cuộc, tham gia của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân TP. Hà Nội; phải luôn giữ vững kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát; kiên quyết phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm; đẩy mạnh truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô đến năm 2025, nhất là đẩy mạnh chuyển đổi số và triển khai có hiệu quả Đề án 06, nhiệm vụ đặt ra là hết sức nặng nề, nhưng vô cùng quan trọng và cũng không kém phần vẻ vang. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu toàn thể các cán bộ nêu cao tinh thần trách nhiệm, “không nói không, không nói khó, không nói có nhưng không làm”, phát huy quyết tâm “đã nói là làm, đã làm là có kết quả”, “chỉ bàn làm, không bàn lùi”.

Với vai trò, vị thế đặc biệt quan trọng là Thủ đô, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, đầu tàu kinh tế - văn hoá - khoa học - giáo dục của cả nước, TP. Hà Nội phải là địa phương đi đầu trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số, hướng tới xã hội văn minh, hiện đại.

Đặc biệt, phải bám sát vào những vấn đề trọng tâm trong chủ đề năm 2024 của Đề án 06 là “Hoàn thiện hạ tầng công nghệ; số hoá, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số”.

Chú trọng 5 mục tiêu chủ yếu triển khai Đề án 06 trên địa bàn TP. Hà Nội thời gian tới, trong đó phải tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng với tất cả các dịch vụ, tiện ích; Tiết giảm chi phí (về thời gian, vật chất, chi phí tuân thủ); Kiểm soát rủi ro, đẩy lùi tiêu cực, giảm phiền hà, sách nhiễu cho người dân, doanh nghiệp; Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số; Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu Thủ tướng Chính phủ yêu cầu, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; rà

soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp để triển khai có hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn TP. Hà Nội.

Tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính theo thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và đời sống người dân. Phấn đấu cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 50% số quy định và cắt giảm ít nhất 50% chi phí tuân thủ; Xây dựng mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội là tổ chức chuyên trách về cung cấp dịch vụ công.

Đẩy mạnh tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác kết quả số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử giữa các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của TP. Hà Nội thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, tập trung đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình, thủ tục hành chính để nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến cung cấp cho người dân; Đẩy mạnh làm giàu thông tin, cung cấp các tiện ích cho người dân, quản lý xã hội trên nền tảng VneID và đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế trên địa bàn TP. Hà Nội. Phấn đấu đến năm 2025, 100% đối tượng được thụ hưởng dịch vụ.

Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung của TP. Hà Nội, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; phát triển hạ tầng số, bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin.

Cùng với đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành tiếp tục hỗ trợ TP. Hà Nội nói riêng và Ủy ban nhân dân các địa phương nói chung trong triển khai Đề án 06, tiếp tục đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân theo tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; Đề án 06 tại TP. Hà Nội chỉ thực sự thành công khi mỗi một người dân, doanh nghiệp hiểu, tích cực tham gia và thụ hưởng các lợi ích mà Đề án 06 mang lại. Tích cực triển khai tuyên truyền theo nhiều hình thức khác nhau qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Thủ tướng Chính phủ khẳng định, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm, chỉ đạo, đồng hành sát sao cùng TP. Hà Nội, tạo điều kiện thuận lợi nhất để TP. Hà Nội ngày càng phát triển. Thủ tướng Chính phủ mong muốn và tin tưởng rằng, với quyết tâm, trí tuệ, tinh thần đoàn kết, đổi mới sáng tạo và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, thời gian tới TP. Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung sẽ tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06, mang lại nhiều thành công, thắng lợi mới và những lợi ích cụ thể, thiết thực cho người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: vov.vn

BỘ NỘI VỤ: THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 21/6/2024, Bộ Nội vụ ban hành Báo cáo số 3579/BC-BNV kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 của Bộ Nội vụ.

Theo Báo cáo, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 của Bộ Nội vụ được thể hiện trên các mặt công tác: Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2024, công tác cải cách hành chính tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ, sự vào cuộc của lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ. Công tác tham mưu, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được thực hiện kịp thời trên cơ sở bám sát Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Bộ và các văn bản hướng dẫn, qua đó bảo đảm tiến độ, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của Bộ.

Bên cạnh đó, Báo cáo của Bộ Nội vụ cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân như: Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của một số đơn vị còn mang tính hình thức, một số đơn vị chưa bám sát yêu cầu, hướng dẫn về chế độ báo cáo định kỳ. Một số đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ thường xuyên có sự thay đổi về công chức, viên chức chuyên trách (phụ trách) công tác cải cách hành chính, các công chức, viên chức này chưa được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ trong tham mưu, đề xuất triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, dẫn đến chất lượng tham mưu không hiệu quả, việc xây dựng Báo cáo cải cách hành chính định kỳ không đảm bảo chất lượng, số liệu không đầy đủ, kịp thời, chính xác, việc ban hành văn bản gửi đơn vị thường trực cải cách hành chính của Bộ không đảm bảo thời hạn quy định.

8 nhiệm vụ trọng tâm

Để công tác cải cách hành chính 6 tháng cuối năm đạt kết quả, Bộ Nội vụ đề ra 8 nhiệm vụ trọng tâm:

Một là, tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính của Bộ, thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của Bộ, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, tiếp tục triển khai Kế hoạch tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024; theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo kế hoạch cải cách hành chính của từng Bộ, cơ quan, địa phương và Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch kiểm tra năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Hai là, tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ trên cơ sở bám sát Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Nội vụ,

Nghị quyết số 76/NQ-CP và Chỉ thị số 23/CT-TTg. Trong đó, tập trung xây dựng, triển khai các đề án, dự án về cải cách hành chính được giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP; các nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 23/CT-TTg.

Ba là, tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-BNV ngày 12/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024 (PAR Index 2024), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024 (SIPAS 2024).

Bốn là, xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; thực hiện xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề án được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng.

Năm là, tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tăng cường thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Sáu là, tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; về quản lý công chức, viên chức; chính sách tiền lương; tinh giản biên chế; tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, gắn kết chặt chẽ với thực hiện chính sách tinh giản biên chế; tổ chức thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, bảo đảm đúng với điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí việc làm được phê duyệt.

Bảy là, tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số của Bộ theo các kế hoạch đã ban hành.

Tám là, tổ chức kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Nguồn: [moha.gov.vn](#)

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ

Các Bộ, ngành đã nỗ lực, tập trung xây dựng, trình ban hành thể chế, chính sách, để hoàn thiện môi trường pháp lý, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Cụ thể: ban hành 10 Nghị định của Chính phủ, 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 02 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 05 Thông tư của Bộ trưởng.

Toàn quốc hiện có 62/63 địa phương ban hành chính sách giảm, miễn phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 15/63 địa phương đã ban hành chính sách giảm thời gian để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. TP. Hà Nội ban hành chính sách quy định việc hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên địa bàn thành phố.

Về lãnh đạo, điều hành triển khai hoạt động chuyển đổi số, Ủy ban Quốc gia về chuyên đổi số đã tổ chức phiên họp toàn thể lần thứ 8 và Hội nghị chuyên đề Thúc đẩy số hóa ngành nông nghiệp; tổ chức Hội nghị giới thiệu mô hình chuyên đổi số thành công cấp Bộ, ngành tại Tòa án nhân dân tối cao. Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện chỉ đạo tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số.

Về phát triển dữ liệu số, đến nay, đã có 17 Bộ, ngành và 54 địa phương đã ban hành hành danh mục cơ sở dữ liệu theo quy định. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 18 Bộ, ngành; 63 tỉnh, thành phố và 04 doanh nghiệp; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã kết nối giữa các hệ thống và cơ sở dữ liệu của 95 cơ quan, đơn vị, hàng ngày có khoảng 2,5 triệu giao dịch qua Nền tảng.

Về phát triển hạ tầng số, tốc độ mạng băng rộng cố định và mạng băng rộng di động của Việt Nam đều đang được cải thiện so với cùng kỳ năm 2023 và đầu năm 2024. Tốc độ download mạng băng rộng di động (Mbps) tăng 10,42% so với đầu năm 2024, Tốc độ download mạng băng rộng cố định (Mbps) tăng 27,13% so với đầu năm 2024.

Về phát triển Chính phủ số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến đạt 81%. Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 48%.

Các Bộ, ngành đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ hoàn thành việc kết nối, tích hợp, cung cấp 25/25 dịch vụ công theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và 18/28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tiếp tục tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công liên thông theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Từ ngày 20/05/2024 đến ngày 20/06/2024, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là 927.569 văn bản điện tử (gửi: 271.368, nhận: 656.201). Trong 6 tháng đầu năm 2024, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là trên 5.2 triệu văn bản, tăng gấp 1,3 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Tính đến nay, có 40.5 triệu văn bản gửi, nhận qua Trục.

Từ ngày 20/5/2024 đến ngày 20/6/2024 đã có hơn 831 nghìn tài khoản đăng ký; hơn 7,2 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 2,5 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng dịch vụ công quốc gia; hơn 1,4 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 917 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm, Cổng đã có hơn 4,8 triệu tài khoản đăng ký; hơn 53,5 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 13,9 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 7,4 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 4.620 tỷ đồng.

Có 63/63 địa phương, 13/22 Bộ, ngành hoàn thành việc nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đáp ứng quy định tại Nghị định số

107/2021/NĐ-CP Chính phủ và việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công; đã có 61/63 địa phương, 9/20 Bộ, ngành hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; 63/63 Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, 21/21 Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ kết nối với VNeID thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đã phục vụ 12 phiên họp và xử lý 287 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 109 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. Lũy kể đến nay, Hệ thống đã phục vụ 99 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 2.288 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 789 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

Về hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong 6 tháng đầu năm đã xây dựng 05 Infographic báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ; đã cập nhật 964 file dữ liệu lên kho dữ liệu nội dung; tiếp tục xây dựng và cập nhật kho dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, đã có 69/179 chế độ báo cáo được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành của 15 Bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và 63 địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu với 38 chỉ tiêu thông tin trực tuyến; hình thành 04 bộ chỉ số điều hành; thống kê; theo dõi, giám sát; kinh tế - xã hội địa phương.

Về phát triển kinh tế số và xã hội số, tính đến ngày 14/6/2024, có 67.658 doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký (CSKD) sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công với số lượng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền là 516,05 triệu hóa đơn.

Tiếp tục Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, tính đến nay số lượt doanh nghiệp tiếp cận Chương trình: 1.222.679; Số lượng doanh nghiệp SME sử dụng nền tảng của Chương trình: 333.950.

Việt Nam có 08 ứng dụng di động có số lượng người dùng trên 10 triệu (Zalo, Zing Mp3, Ví MoMo, Báo mới, VNeID, MB Bank, Vietcombank và My Viettel). Tiếp theo nhóm này, phân khúc ứng dụng có số lượng tài khoản đang hoạt động đạt 5 - 10 triệu hiện nay có khoảng 10 ứng dụng do doanh nghiệp, cá nhân người Việt phát triển, trong đó 6/10 ứng dụng là các ứng dụng thanh toán trực tuyến.

Triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money tiếp tục đạt được mục tiêu về việc góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, cũng như đảm bảo việc thí điểm dịch vụ an toàn, đúng quy định. Tính đến hết tháng 5/2024: Tổng số khách hàng lũy kế đạt hơn 8,8 triệu khách hàng, trong đó số lượng khách

hàng ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa đạt hơn 6,3 triệu khách hàng, chiếm 72%; 11.885 điểm kinh doanh đã được thiết lập, tổng số đơn vị chấp nhận thanh toán đạt 275.879 đơn vị, cung cấp các dịch vụ thanh toán thiết yếu như điện, nước, giáo dục, viễn thông, hành chính công; Tổng số lượng các giao dịch (nạp, rút, chuyển tiền, thanh toán) bằng Mobile Money là hơn 119 triệu giao dịch với tổng giá trị giao dịch hơn 4.462 tỷ đồng.

Theo báo cáo của Bộ Công an, đến hết tháng 5/2024, Bộ Công an đã cấp trên 86,2 triệu thẻ căn cước công dân gắn chip và thu nhận trên 75,7 triệu hồ sơ định danh điện tử, kích hoạt trên 54,34 triệu tài khoản (tỷ lệ kích hoạt trên tổng số hồ sơ thu nhận đạt 71,78%). Đối với các tiện ích trên VNeID được người dân hưởng ứng sử dụng, trong tháng 5/2024 đã có 29,3 triệu lượt truy cập vào VNeID, trong đó, một số tiện ích có người dùng cao, như: Dịch vụ công thông báo lưu trú: 237.522 lượt; Kiến nghị, phản ánh về ANAT: 4.264 lượt; Thông báo, phổ biến chính sách pháp luật mới cho công dân: 9,2 triệu lượt; Tích hợp 829 tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VneID,...

Về An toàn thông tin mạng, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đưa vào vận hành hệ thống Giám sát, phát hiện sớm các tên miền vi phạm trên không gian mạng và hệ thống điều phối các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet xử lý, ngăn chặn các tên miền vi phạm trên Không gian mạng. Triển khai Hệ thống cảnh báo, ngăn chặn tên miền độc hại quốc gia (DNS Shinkhole quốc gia). Tính đến tháng 6/2024, đã ngăn chặn 12.818 web/blog vi phạm, trong đó có 3.170 website lừa đảo trực tuyến. Bảo vệ hơn 10,981 triệu người dân không truy cập vào các website lừa đảo, vi phạm pháp luật).

Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

CẢI CÁCH HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH THUẾ ĐẾN NĂM 2030

Năm 2024, Tổng cục Thuế đặt ra mục tiêu tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức toàn trình đủ điều kiện, liên quan tới người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tổng cục Thuế cho biết đang triển khai chiến lược cải cách hiện đại hóa ngành Thuế đến năm 2030. Theo đó, ngành tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử tại Tổng cục Thuế trên cơ sở cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, thực hiện chuyển đổi số, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số, phát triển nhân lực số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Theo đó, năm 2024, Tổng cục Thuế đặt ra một số mục tiêu cơ bản như tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức toàn trình đủ điều kiện, liên quan tới người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Bên cạnh đó, tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; các hệ thống thông tin của ngành có liên quan đến người dân, doanh nghiệp được đưa vào vận hành,

khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

Ngoài ra, ít nhất 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; ít nhất 90% hệ thống máy chủ được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây; 100% cán bộ công chức viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản theo lộ trình chung của Chính phủ; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác dữ liệu và công nghệ số phục vụ cho chuyên môn.

Tổng cục Thuế cũng đặt mục tiêu 100% nhu cầu kết nối trao đổi thông tin giữa các đơn vị, Bộ, ngành, tổ chức liên quan được ứng dụng công nghệ thông tin theo lộ trình triển khai các văn bản thỏa thuận, hợp tác giữa các bên, 90% ứng dụng cốt lõi (bao gồm ứng dụng dịch vụ thuế điện tử, ứng dụng quản lý thuế tích hợp, các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực thuế tích hợp với dịch vụ công quốc gia...) đảm bảo độ sẵn sàng hoạt động tại Trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa (DRC) khi có sự cố phát sinh.

Theo Tổng cục Thuế trong thời gian tới, ngành Thuế vẫn còn nhiều lĩnh vực phải làm như triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, bản đồ số hộ kinh doanh đối chiếu với cơ quan đăng ký kinh doanh, quản lý thương mại điện tử.

Tổng cục Thuế cho biết, đây là những lĩnh vực mới và rất khó quản lý đòi hỏi phải xây dựng những ứng dụng công nghệ thông minh, tự động, lưu vết được toàn bộ các tác vụ của cả cán bộ thuế và người nộp thuế, kể cả việc ra quyết định thanh tra, kiểm tra. Bên cạnh đó, chiến lược cải cách hiện đại hóa ngành Thuế đến năm 2030 cũng không thể thiếu việc hoàn thiện thể chế chính sách, rà soát lại những vấn đề còn vướng, đặc biệt những quy định lưỡng tính.

Nguồn: bnews.vn/ttxvn

“CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH DU LỊCH LÀ XU THẾ TẤT YẾU”

Dù việc áp dụng công nghệ với du lịch Việt Nam đang triển khai tích cực, song theo TS. Lê Quang Đăng, quá trình chuyển đổi số du lịch hiện vẫn gặp nhiều khó khăn.

Địa phương phát triển hệ thống du lịch thông minh

Thời gian qua, chuyển đổi số lan rộng trong hầu hết các ngành, lĩnh vực, trong đó có du lịch. Việc áp dụng công nghệ đã mang đến cho ngành Du lịch Việt Nam bộ mặt hoàn toàn mới. Từ những bước khởi động ban đầu, các ứng dụng công nghệ hiện nay đã được áp dụng rộng khắp tại nhiều địa phương, điểm đến.

Theo thông tin từ Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, tính đến nay đã có hơn 40 tỉnh, thành phố triển khai các ứng dụng, phần mềm và website du lịch thông minh nhằm thu hút khách du lịch. Những thay đổi bắt đầu từ những việc nhỏ như thay vé giấy bằng vé điện tử, QR-code, cho đến việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR).

Trao đổi với Báo Người Đưa Tin, TS. Lê Quang Đăng, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cho biết: “Chuyển đổi số trong ngành Du lịch là một xu thế tất yếu. Các địa phương đang nỗ lực ứng dụng công nghệ để nâng cao trải nghiệm du khách, đồng thời giúp quảng bá hình ảnh du lịch Việt Nam ra thế giới một cách hiệu quả hơn”.

TS. Lê Quang Đăng cho hay, tỉnh Thừa Thiên - Huế là địa phương đã triển khai nhiều sản phẩm du lịch thông minh như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), 3D mapping và các tiện ích khác phục vụ tìm kiếm, chia sẻ thông tin, đặt dịch vụ. Ứng dụng Hộ chiếu du lịch Huế - Hue City Passport cũng được ra mắt, giúp du khách dễ dàng khám phá những địa điểm du lịch nổi tiếng.

Tại TP. Hà Nội, Sở Du lịch cũng đang đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu, đồng bộ với việc triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu du lịch của Thủ đô. Bên cạnh đó, Cổng thông tin điện tử của Sở Du lịch cũng được nâng cấp, đảm bảo hiện đại và thuận tiện cho du khách và người dân truy cập.

Hay tại TP. Hồ Chí Minh, công nghệ 3D cũng đã được áp dụng trong thông tin, quảng bá du lịch, bao gồm ứng dụng công nghệ quét 3D từ trên cao và Bản đồ du lịch tương tác thông minh 3D/360 TP. Hồ Chí Minh, với tính năng có hướng dẫn viên ảo tại các điểm đến.

Còn tại TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, suốt từ năm 2022 đến nay, TP. Lạng Sơn đã phối hợp với đơn vị chức năng xây dựng thành công hình thức thuyết minh tự động theo công nghệ 360 độ tại điểm du lịch chùa Tam Thanh.

Trao đổi với Báo Người Đưa Tin, Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa - Thông tin TP. Lạng Sơn Hoàng Thùy Ninh cho biết, hiện trung tâm đang tiếp tục xây dựng mô hình này tại 7 điểm du lịch là di tích trên địa bàn thành phố.

“Ngoài ra, 100% điểm du lịch là di tích trên địa bàn TP. Lạng Sơn như: Đền Kỳ Cùng - Tả Phủ, chùa Tam Thanh, chùa Tiên, đình Pác Mòng... cũng đang được lắp đặt mã QR”, bà Hoàng Thùy Ninh nói.

Ngoài ra, nhiều địa phương khác như các tỉnh Quảng Ninh, Hà Giang, Kiên Giang, Khánh Hòa... cũng đã thúc đẩy hoạt động quảng bá hình ảnh trên các nền tảng mạng xã hội, góp phần lan tỏa hình ảnh điểm đến văn hóa đầy tích cực.

Doanh nghiệp cần có chiến lược lâu dài

Đối với doanh nghiệp ngành du lịch, chuyển đổi số không chỉ là một chiến lược tùy chọn mà dần trở thành một thông lệ tất yếu phải được thực hiện để có đủ năng lực cạnh tranh và đáp ứng sự phát triển không ngừng trong nhu cầu của khách hàng. Chuyển đổi số cũng đòi hỏi doanh nghiệp cần có chiến lược lâu dài và quá trình này gần như sẽ tác động lên toàn bộ doanh nghiệp từ tổ chức, con người cho tới mô hình kinh doanh.

Nhờ áp dụng công nghệ, các doanh nghiệp du lịch có thể tiếp cận đối tượng khách hàng tiềm năng, thử sức với các dịch vụ mới liên quan và giải đáp bài toán về nhân lực, chi phí vận hành, tiết kiệm thời gian.

Thực tế cho thấy, nhiều doanh nghiệp du lịch đã đạt được thành công số hóa 100% quy trình hoạt động công ty, tất cả cán bộ, nhân viên làm việc trên hệ thống các phần mềm; hoàn thiện các ứng dụng AI nâng cao trải nghiệm người dùng, cải tiến nâng cấp hệ thống Chatbot, vận hành hệ thống Bigdata trong phân tích và xử lý dữ liệu lớn; nâng cấp các công nghệ trong thanh toán, nhận diện khách hàng, quản lý tài sản...

Giám đốc Công ty Thảo Phương Travel Quách Thị Thảo chia sẻ: “Xác định chuyển đổi số toàn diện là giải pháp tốt nhất để giữ vững vị trí nên công ty đã xây dựng một hệ thống bán hàng trực tuyến toàn diện, từ website đến ứng dụng di động, giúp khách hàng có thể dễ dàng tìm kiếm, so sánh và đặt các gói tour, vé máy bay, khách sạn ngay trên những thiết bị của mình”.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp lữ hành cũng đầu tư vào việc trang bị các giải pháp công nghệ tại các điểm đến như triển khai hệ thống quét mã QR tại nhiều điểm tham quan, cho phép du khách tự tra cứu các thông tin, hướng dẫn, tìm hiểu lịch sử và văn hóa của địa điểm đó.

Đồng thời, một số doanh nghiệp còn phát triển các ứng dụng thực tế ảo và tăng cường để du khách có những trải nghiệm độc đáo và sống động hơn.

4 rào cản trong chuyển đổi số du lịch

Theo TS. Lê Quang Đăng, mặc dù việc áp dụng công nghệ với ngành du lịch Việt Nam đang được tích cực nỗ lực triển khai và đem lại nhiều lợi ích. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số ngành Du lịch hiện nay gặp phải nhiều khó khăn, thách thức.

Thứ nhất, du lịch là một ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và tính xã hội hóa cao. Việc thực hiện chuyển đổi số ngành du lịch ít nhiều gặp khó khăn do liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác như tài nguyên môi trường, nông nghiệp nông thôn, giao thông vận tải, xây dựng. Sự phối hợp giữa các ngành này là điều kiện cần để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong du lịch.

Thứ hai, vấn đề đầu tư, phát triển hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số cũng là thách thức lớn. Việc đầu tư cả về phần cứng và phần mềm đòi hỏi nguồn kinh phí lớn. Hơn nữa, công nghệ luôn thay đổi và cần phải có nguồn kinh phí liên tục để duy trì và nâng cấp hạ tầng.

Thứ ba, khó khăn trong việc ban hành chính sách, cơ chế, quy định và hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số toàn ngành cũng là một trở ngại. Mỗi địa phương có những điều kiện thực tế, đặc điểm kinh tế - xã hội và trình độ công nghệ khác nhau, việc đưa ra các quy định, hướng dẫn chung cho toàn ngành là thách thức đáng kể.

Thứ tư, vấn đề nhân lực cũng là một thách thức lớn. Theo TS. Lê Quang Đăng, nguồn nhân lực du lịch hiện nay thiếu về lượng và yếu về chất, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ ngoại ngữ và tin học. Chuyển đổi số đòi hỏi phải có nguồn nhân lực tương thích, đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ.

TS. Lê Quang Đăng cho rằng, để việc chuyển đổi số trong du lịch đạt hiệu quả hơn thời gian tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần tiếp tục rà soát quy định, cơ chế, chính sách liên quan đến chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ hiện đại với ngành du lịch và cần định hướng xây dựng, phát triển một hệ sinh thái chuyển đổi số du lịch thống nhất trên toàn quốc.

Nguồn: nguoiduatin.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

* Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Dự án Luật Dữ liệu.

Bộ Công an xây dựng dự thảo Luật Dữ liệu gồm 07 Chương, 65 Điều.

Luật này quy định về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu. Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

Nội dung cơ bản của dự thảo Luật:

Chương I. Quy định chung, gồm 06 điều (Điều 1 đến Điều 6), quy định về: đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng Luật Dữ liệu; nguyên tắc chung; các hành vi bị nghiêm cấm.

Chương II. Xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia; hợp tác quốc tế về dữ liệu, gồm 22 Điều (từ Điều 7 đến Điều 28), quy định về: thu thập, số hóa và tạo lập dữ liệu; bảo đảm chất lượng dữ liệu; phân loại dữ liệu; lưu trữ dữ liệu; kết hợp, điều chỉnh, cập nhật dữ liệu; chiến lược dữ liệu; quản trị dữ liệu; kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu; cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước; phân tích, tổng hợp dữ liệu; xác nhận, xác thực dữ liệu; công khai dữ liệu; truy cập, truy xuất dữ liệu; mã hóa, giải mã dữ liệu; sao chép, truyền đưa, chuyển giao dữ liệu; chuyển dữ liệu ra nước ngoài; thu hồi, xóa, hủy dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý, quản lý, quản trị, sử dụng, khai thác dữ liệu; xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu; Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia; bảo vệ dữ liệu; hợp tác quốc tế về dữ liệu.

Chương III. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, gồm 07 Điều (từ Điều 29 đến Điều 35), quy định về: yêu cầu xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; trách nhiệm cung cấp dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác; mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác; phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Chương IV. Trung tâm dữ liệu quốc gia, gồm 10 Điều (từ Điều 36 đến Điều 45), quy định về: xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; vị trí, vai trò Trung tâm dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; nhiệm vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia; nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng, thiết bị đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm nguồn lực hoạt động xây dựng, phát triển của Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; mối quan hệ giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

Chương V. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, gồm 08 Điều (từ Điều 46 đến Điều 53), quy định về: sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ xác thực điện tử đối với thông tin không gắn với chủ thẻ danh tính điện tử; sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; sàn giao dịch dữ liệu; trách nhiệm của tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu; xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thị trường dữ liệu, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

Chương VI. Quản lý nhà nước về dữ liệu, gồm 10 Điều (từ Điều 54 đến Điều 63), quy định về: nội dung quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 64 và Điều 65), quy định về: sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan; hiệu lực thi hành.

*** Bộ Quốc phòng đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định và hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ.**

Dự thảo quy định, phạm vi tổ chức thi đua của Dân quân tự vệ nằm trong phong trào thi đua Quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam, gắn với phong trào thi đua yêu nước của các bộ, ngành trung ương, địa phương và toàn quốc.

Phong trào thi đua trong Dân quân tự vệ được tổ chức phát động trong phạm vi toàn quốc hoặc trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Việc phát động thi đua thường xuyên hằng năm, do cơ quan quân sự địa phương các cấp, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có lực lượng Dân quân tự vệ, Ban Chỉ huy quân sự các Bộ, ngành trung ương đến cơ sở thực hiện.

Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn quân”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Chiến sĩ tiên tiến”.

Đối với tập thể, các danh hiệu thi đua gồm: “Đơn vị Quyết thắng”, “Đơn vị tiên tiến”.

Các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 76 của Luật Thi đua, khen thưởng, gồm: 1. Huân chương; 2. Huy chương; 3. Danh hiệu vinh dự nhà nước; 4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; 5. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”; 6. Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp vũ trang quần chúng”; 7. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”; 8. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh; 9. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; 10. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng; Giấy khen của Thủ trưởng sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương; 11. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thẩm quyền tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân”; tặng, truy tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”; tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”.

Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tặng danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”; tặng Bằng khen, Giấy khen của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định khen thưởng đối với dân quân tự vệ thuộc quyền với các hình thức khen thưởng quy định tại các Điều 79, 80 và Điều 81 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

Thủ trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh có thẩm quyền tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, Giấy khen cho cá nhân cao nhất đến tiểu đoàn trưởng Dân quân tự vệ hoặc tương đương; tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp tiểu đoàn Dân quân tự vệ hoặc tương đương.

Thủ trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, Giấy khen cho cá nhân cao nhất đến đại đội trưởng Dân quân tự vệ hoặc tương đương; tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp đại đội Dân quân tự vệ hoặc tương đương.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào các văn bản:**

- Dự thảo Thông tư hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng.

Dự thảo nêu rõ về xác định nguồn kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP.

Theo đó, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP trong năm 2024 của các Bộ, cơ quan Trung ương:

a) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 (nếu có).

b) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này.

c) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao.

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

a) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

b) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

c) Sử dụng nguồn 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2023 và 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so dự toán năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể: thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các khoản loại trừ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội).

d) Sử dụng 50% phần ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

đ) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí.

e) Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, các cơ quan được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao khoán kinh phí và tự bảo đảm tiền lương: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

Ngân sách Trung ương hỗ trợ nhu cầu kinh phí cải cách tiền lương cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương sau khi đã cân đối các nguồn kinh phí mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

- Dự thảo Thông tư Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 135/2008/TTLT-BTC-BTNMT hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước và Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã rà soát và thấy có 02 văn bản quy phạm pháp luật cần được bãi bỏ, cụ thể: 1. Thông tư liên tịch

số 135/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/12/2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước. 2. Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Dự thảo Nghị định của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Bộ Tài chính cho biết, việc ban hành Nghị định về chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-TTg; đồng thời, nhằm xử lý các tồn tại, hạn chế trong quá trình hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội thời gian qua; qua đó, nâng cao năng lực tài chính cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện tốt hơn nữa chương trình xóa đói, giảm nghèo và chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

- Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Bộ Tài chính cho biết, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Quyết định số 1515/QĐ-TTg đã quy định các nội dung về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân; chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động; vốn điều lệ; chức năng, nhiệm vụ; trách nhiệm, quyền hạn; cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Phát triển Việt Nam... Tuy nhiên, cần phải rà soát, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để đồng bộ với Luật Các tổ chức tín dụng, cũng như phù hợp với chủ trương cơ cấu lại, định hướng hoạt động Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng tiệm cận với ngân hàng thương mại.

Việc ban hành Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, khắc phục một số các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thời gian qua; đồng thời, tạo khuôn khổ pháp luật đầy đủ, đồng bộ, góp phần thực hiện thành công Phương án cơ cấu lại và định hướng hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự thảo Thông tư hướng dẫn Khoản 3 Điều 76 Luật Kinh doanh bất động sản.

Thông tư này hướng dẫn Khoản 3 Điều 76 Luật Kinh doanh bất động sản; bao gồm các nội dung sau: a) Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên để xây dựng, điều tra thu thập thông tin, cập nhật, duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; b) Hướng dẫn xác định giá cung

cấp dịch vụ thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

Dự thảo nêu rõ về kinh phí xây dựng, điều tra thu thập thông tin, cập nhật, duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản...

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định về đăng ký doanh nghiệp.**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, dự thảo đề xuất một số điểm mới cơ bản như sau:

1. Bỏ các quy định về đăng ký hộ kinh doanh, ban hành kèm theo hệ thống biểu mẫu áp dụng trong đăng ký doanh nghiệp.

2. Dự thảo Nghị định bỏ các quy định về đăng ký hộ kinh doanh tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và nghị định hóa toàn bộ hệ thống biểu mẫu trong đăng ký doanh nghiệp hiện đang quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT nhằm phù hợp với quy định về thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và sắp xếp, hoàn thiện lại khung khổ pháp lý về đăng ký doanh nghiệp.

3. Bổ sung quy định về việc sử dụng số định danh cá nhân khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhằm thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân tại Nghị quyết số 136/NQ-CP, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về việc sử dụng số định danh cá nhân khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, trường hợp người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai số định danh cá nhân thì có thể cắt giảm được phần lớn thông tin cá nhân phải kê khai trên cơ sở khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, hạn chế tối đa hành vi giả mạo hồ sơ để đăng ký thành lập doanh nghiệp trái pháp luật do các thông tin cá nhân lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là các thông tin đã được Bộ Công an xác minh.

4. Bổ sung quy định về tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm xác định trạng thái hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo hồ sơ đăng ký và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, giúp công khai, minh bạch thông tin về tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bảo đảm việc cung cấp thông tin liên quan đến chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp là chính xác và có giá trị pháp lý; đồng thời, tạo sự thống nhất về số liệu thống kê giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm 06 tình trạng: (i) Tạm ngừng kinh doanh; (ii) Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; (iii) Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; (iv) Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; (v) Đã chấm dứt hoạt động; (vi) Đang hoạt động; đồng thời quy định các trường hợp cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khi doanh nghiệp cập nhật tình trạng pháp lý.

5. Bỏ quy định về việc đăng ký kinh doanh đối với tổ chức tín dụng để phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

*** Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dân số.**

Theo Bộ Y tế, cần phải thay đổi để khắc phục một số hạn chế, bất cập của Pháp lệnh Dân số, đó là: còn nhiều nội dung chưa phù hợp khi thể chế hoá quan điểm của Đảng chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số, chất lượng dân số; thiếu quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm và cơ chế thực hiện của các chủ thể trong thực hiện các biện pháp công tác dân số; thiếu quy định cụ thể về chính sách ưu tiên, đối tượng ưu tiên, mức ưu tiên, biện pháp thực hiện đối với một số đối tượng đặc thù trong sử dụng các dịch vụ dân số; đối với vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn trong việc thực hiện các biện pháp công tác dân số...

Vì vậy, cần thiết phải xây dựng Luật Dân số thay thế Pháp lệnh Dân số nhằm tạo cơ sở pháp lý cao nhất để thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới, trực tiếp là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 21-NQ/TW; có các biện pháp giải quyết xu hướng già hoá dân số trong thời gian tới, tận dụng lợi thế của thời kỳ cơ cấu dân số vàng phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước; hướng đến năm 2045 Việt Nam là nước có dân số chất lượng tốt, lực lượng lao động đông đảo, thu nhập cao... nâng cao vai trò, vị trí của Việt Nam trên thế giới. Đồng thời, Luật Dân số cũng khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành; đáp ứng đủ các điều kiện về nguồn lực để thực hiện toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung “Quy trình xử lý hồ sơ đi học nước ngoài” như sau:

1. Đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được tuyển chọn đi học theo học bổng ngân sách nhà nước, Cục Hợp tác quốc tế cấp giấy triệu tập đi học nước ngoài và ra quyết định cử đi học khi có văn bản của cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý cử ứng viên đi học nước ngoài. 2. Đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được tuyển chọn đi học theo học bổng do phía nước ngoài đài thọ, Cục Hợp tác quốc tế gửi văn bản thông báo kết quả trúng tuyển đến ứng viên và cơ quan quản lý trực tiếp của ứng viên để giải quyết thủ tục đi học nước ngoài. 3. Đối với ứng viên chưa có cơ quan công tác, Cục Hợp tác quốc tế ra quyết định cử đi học nước ngoài.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài. Theo đó, Hội đồng tuyển chọn có nhiệm vụ phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh yêu cầu ứng viên bổ sung tài liệu minh chứng cho kết quả tuyển chọn. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề xuất phương án xử lý khi có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngân hàng Nhà nước.**

Dự thảo Thông tư quy định 02 phương thức giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ: tuyển chọn và giao trực tiếp.

Phương thức giao trực tiếp chỉ áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc một trong các trường hợp sau: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

Nguyên tắc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong ngành Ngân hàng; Bảo đảm quyền chủ động, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng; Bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Ngân hàng Nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng; Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hoạt động khoa học và công nghệ; các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng.

Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm; tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Kiểm tra, theo dõi và đánh giá việc ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; công bố thông tin, lưu giữ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: 1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn kinh phí của Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định, hướng dẫn về tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

Tổ chức, cá nhân chủ trì hoặc thành viên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm tuân thủ các quy trình, thủ tục quản lý trực tuyến nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng tại địa chỉ: www.khoahocnganhang.org.vn.

Viện Chiến lược ngân hàng là đơn vị quản lý và vận hành Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng; có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện việc khai thác, cập nhật trực tuyến các thông tin quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: CHÍNH THỨC VẬN HÀNH HỆ THỐNG GIAO THÔNG THÔNG MINH

Sáng ngày 04/7/2024, Sở Giao thông vận tải tổ chức Lễ khai trương hệ thống Giao thông thông minh. Hệ thống sẽ ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào tổ chức, quản lý điều hành giao thông một cách hiệu quả đảm bảo an toàn, giảm thời gian và chi phí đi lại, bảo vệ môi trường.

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội về “Chuyển đổi số, xây dựng TP. Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu đến năm 2030, TP. Hà Nội sẽ cơ bản trở thành Thành phố thông minh, hiện đại, từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới.

Báo cáo tại Buổi lễ, Giám đốc Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông TP. Hà Nội Thái Hồ Phương cho biết: “Hệ thống Giao thông thông minh ITS bao gồm các ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào công tác tổ chức, quản lý điều hành hệ thống giao thông vận tải một cách hiệu quả đảm bảo an toàn giao thông giảm thời gian và chi phí đi lại, bảo vệ môi trường...”.

Giám đốc Thái Hồ Phương cho biết thêm, được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội đã phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai phương án thí điểm hệ thống Giao thông thông minh với nội dung thiết lập Trung tâm Điều hành Giao thông thông minh tại Trung tâm Quản lý và Điều hành giao thông TP. Hà Nội, số 1 Kim Mã, quận Ba Đình, bao gồm: thiết bị (máy tính, màn hình tấm ghép, tường lửa, thiết bị mạng, các thiết bị, phụ kiện đi kèm...); các phần mềm điều khiển (phần mềm đo đếm lưu lượng, giám sát vi phạm, cung cấp thông tin, điều khiển đèn tín hiệu giao thông thông minh...).

Hệ thống cũng được lắp đặt thiết bị ngoại vi tại 2 nút giao thông thí điểm trên đường Phạm Văn Bạch (nút giao Hoàng Quán Chi và Ngõ 9) bao gồm: lắp đặt camera hỗ trợ xử phạt, camera đo đếm lưu lượng, camera đo tốc độ, biển VMS,...

Các chức năng của hệ thống Giao thông thông minh trong giai đoạn thí điểm bao gồm: hệ thống giám sát giao thông; cung cấp thông tin giao thông; điều khiển giao thông; hỗ trợ xử lý vi phạm trật tự - an toàn giao thông; quản lý giao thông công chính; quản lý sự cố; quản lý kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý đỗ xe; quản lý thanh toán vé điện tử giao thông công chính.

Trong đó 2 chức năng là quản lý đỗ xe và quản lý thanh toán vé điện tử giao thông công chính sẽ được tích hợp khi các dự án thí điểm theo chương trình riêng của thành phố đã sẵn sàng đưa vào vận hành bên cạnh đó hệ thống được thiết kế đảm bảo tính mở, sẵn sàng mở rộng, tích hợp đủ 12 chức năng khi các ứng dụng hoàn thiện, đủ điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu và từng bước hoàn thiện hệ thống.

Giám đốc Sở Giao thông vận tải Nguyễn Phi Thường cho biết: “Từ kinh nghiệm thực tiễn ở các nước phát triển trên thế giới cho thấy, một đô thị thông minh được hình thành bởi 6

nhóm trụ cột chính quan trọng bao gồm: quản trị thông minh; nền kinh tế thông minh; giao thông thông minh; môi trường thông minh; người dân thông minh; cuộc sống thông minh).

Theo đó, nhận thức được vai trò của Giao thông thông minh là 1 trong 6 trụ cột chính quan trọng trong cấu trúc hình thành đô thị thông minh, Sở Giao thông vận tải đã khẩn trương nghiên cứu lập và trình Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội xem xét, phê duyệt “Đề án Giao thông thông minh trên địa bàn TP. Hà Nội”.

Theo ông Nguyễn Phi Thường, sau hơn 1 tháng khẩn trương chuẩn bị đến thời điểm này các công việc chính nên trên đã hoàn thành và đủ điều kiện để chính thức khai thác vận hành thí điểm, trong đó có việc khai thác Trung tâm điều hành giao thông thông minh.

Ông Nguyễn Phi Thường cho rằng, việc đưa vào khai thác trung tâm này có ý nghĩa rất quan trọng là nền tảng cốt lõi chính cơ bản trong việc hình thành hệ thống Giao thông thông minh, là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc hoàn thiện đề án “Giao thông thông minh trên địa bàn TP. Hà Nội” và tổ chức triển khai thực hiện trong thời gian tới.

*** TP. Hà Nội: Mô hình “Ngày thứ Ba không viết, không giấy hẹn”**

Đề đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trọng tâm là công tác cải cách thủ tục hành chính, trên địa bàn huyện Gia Lâm đồng loạt thực hiện mô hình “Ngày thứ Ba không viết, không giấy hẹn”, sau gần 2 năm triển khai, mô hình đã và đang mang lại sự phấn khởi cho cá nhân, tổ chức đến thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn huyện.

Tạo sự thuận tiện, hài lòng trong Nhân dân

Xác định mục tiêu “lấy sự hài lòng của người dân” là thước đo đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm phối hợp các phòng, ban liên quan đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo xây dựng, triển khai đồng loạt mô hình “Ngày thứ Ba không viết, không giấy hẹn” trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân huyện và 22 xã, thị trấn bắt đầu từ tháng 9/2022.

Thực hiện mô hình, 28 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện và 9 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa vào thứ Ba hàng tuần sẽ được trả kết quả trong vòng 2 giờ làm việc.

Điểm sáng tạo, đổi mới của “Ngày thứ Ba không viết, không giấy hẹn”, các cá nhân, tổ chức đến thực hiện thủ tục hành chính không phải tự viết tờ khai, mà có đội ngũ tình nguyện viên nhập dịch vụ công cho thủ tục hành chính và viết tờ khai. Công chức, tình nguyện viên hướng dẫn, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của loại thủ tục hành chính đó; công dân chỉ cần ký tên hoặc điểm chỉ trong giấy tờ, hồ sơ theo quy định. Công chức Bộ phận Một cửa nhận hồ sơ và tiếp nhận xử lý, chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn, trình ký và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trong vòng 2 giờ làm việc (trong giờ hành chính, không viết giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn Trả kết quả).

Dưới sự chỉ đạo đồng bộ thống nhất, vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và triển khai thực hiện trách nhiệm, nhiệt tình của đội ngũ cán bộ công chức, tình nguyện viên tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã, mô hình “Ngày thứ Ba không viết, không giấy hẹn” đã đem

lại kết quả tích cực. Tính từ ngày 13/9/2022 đến ngày 13/8/2023, trên địa bàn huyện Gia Lâm đã giải quyết 37 thủ tục hành chính (trong đó cấp huyện 28 thủ tục, cấp xã 9 thủ tục) sau 2 giờ kể từ khi tiếp nhận với 18.782 hồ sơ (trong đó cấp huyện: 2.152 hồ sơ; cấp xã 16.630 hồ sơ).

Đặc biệt mô hình được triển khai đem lại sự thay đổi tích cực trong công tác cải cách hành chính. Tại Bộ phận Một cửa các tình nguyện viên hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hoàn thiện, nhập hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính qua Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng dịch vụ công thành phố từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc cung ứng dịch vụ công trực tuyến một phần và dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đồng thời, tạo động lực khuyến khích tổ chức, cá nhân thường xuyên sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, qua đó tiết giảm thời gian, chi phí trong giải quyết thủ tục hành chính.

Những chuyển biến này đã mang lại sự phấn khởi cho cá nhân, tổ chức đến thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Gia Lâm. Phấn khởi cầm kết quả trên tay sau hơn một giờ thực hiện làm thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, bà Dương Thị Mai Hương (xã Yên Viên, huyện Gia Lâm) chia sẻ: “Trước kia chúng tôi phải đi lại ít nhất 2 lần nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn và phải mất vài ngày mới được lấy kết quả. Từ khi có mô hình “Ngày thứ Ba không viết, không giấy hẹn” khi đến làm thủ tục hành chính chỉ trong vòng 1 giờ là chúng tôi được nhận kết quả. Tôi thấy việc huyện Gia Lâm cải cách thủ tục hành chính rất hợp tình, hợp lý, thuận tiện cho người dân”.

Có mặt tại Bộ phận Một cửa xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm làm thủ tục hành chính, anh Nguyễn Hoàng Thiện được công chức hướng dẫn nhiệt tình. Anh Thiện hồ hởi cho hay: “Tôi rất hài lòng với việc giải quyết thủ tục hành chính này của Bộ phận Một cửa, mô hình được duy trì như thế này sẽ không ai phải chờ đợi và bớt rất nhiều thời gian cho công dân”.

Để mô hình lan tỏa

Để triển khai được mô hình này, huyện Gia Lâm đã xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính đối với các dịch vụ công thiết yếu và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công trực tuyến TP. Hà Nội. Cùng với đó, huyện triển khai mô hình quét mã QR để thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 của Chính phủ. Trên cơ sở đó, công dân chỉ cần dùng điện thoại quét mã QR ở dịch vụ công mình cần thực hiện, sau đó vào Cổng dịch vụ công quốc gia thực hiện các bước giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn, người dân đánh giá chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức theo hệ thống trực tuyến...

Qua đó, mô hình không chỉ tạo sự hài lòng, rút ngắn thời gian chờ đợi cho người dân mà còn góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức; thực hiện hiệu quả cơ chế “Một cửa, Một cửa liên thông” theo hướng văn minh, hiện đại gắn với chủ đề công tác năm 2023 của thành phố “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển”.

“Để mô hình được triển khai đạt hiệu quả tốt nhất, chúng tôi đã nghiên cứu cách làm khoa học và luôn cập nhật thông tin, văn bản mới để trao đổi khi công dân đến làm thủ tục một cách

nhanh nhất, dễ hiểu nhất. Thực hiện mô hình, nhiều thủ tục hành chính rút ngắn từ 3 ngày làm việc xuống còn 2 giờ làm việc, đây là việc không dễ, nhưng tất cả đội ngũ cán bộ, công chức đều nỗ lực với trách nhiệm cao nhất trong công việc. Thực hiện mô hình, chúng tôi đã sắp xếp thời gian và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong giải quyết thủ tục hành chính. Mặc dù vừa tiếp nhận hồ sơ và vừa giải quyết thủ tục hành chính nhưng với tinh thần “vì công dân phục vụ” chúng tôi làm việc hết trách nhiệm, với mục tiêu công dân là trên hết”, anh Nguyễn Việt Học, công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính xã Đặng Xá chia sẻ.

Nguồn: kinhtedothi.vn/laodongthudo.vn

BẮC NINH: THỊ XÃ QUẾ VỖ CHUYỂN ĐỔI SỐ NHẪM TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ VỀ CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

TX. Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đặt mục tiêu chuyển đổi số nhằm tạo bước đột phá về chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Cùng với Ban Chỉ đạo chuyển đổi số được thành lập từ thị xã đến cơ sở, TX. Quế Võ thành lập Ban Chỉ đạo xử lý thông tin trên môi trường mạng, Tổ công tác thực hiện Đề án 06 cùng 111 Tổ Công nghệ số cộng đồng tại các thôn, khu phố. Từ năm 2022 đến nay, TX. Quế Võ tổ chức 05 đợt kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện ký số văn bản điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị của công dân trên thiết bị di động. Tổ chức 02 đợt tập huấn về chuyển đổi số, giao chỉ tiêu và ký giao ước thi đua giữa các cơ quan, đơn vị, các xã phường trên địa bàn.

Trong lĩnh vực chính quyền số, 100% cán bộ, công chức các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể thị xã được cấp và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ. 100% cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, 100% Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai tạo lập hồ sơ công việc trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành có ký số văn bản điện tử thay cho việc ký văn bản giấy. Từ năm 2022 đến nay, toàn TX. Quế Võ phát hành 17.933 văn bản, trong đó ký số 17.772 văn bản, đạt tỉ lệ 99,1%, vượt 4,1% so với mục tiêu đến năm 2025.

Đối với cấp xã, đã có 10.971 văn bản ký số trong tổng số 11.067 văn bản phát hành, vượt 9,1% so với mục tiêu đến năm 2025. Việc triển khai có hiệu quả quy trình gửi/nhận văn bản điện tử có ký số giúp cán bộ, công chức dần hình thành thói quen xử lý văn bản trên môi trường mạng, dần loại bỏ văn bản giấy, giảm chi phí văn phòng phẩm, thuận tiện trong tra cứu, tìm kiếm văn bản, giúp nâng cao hiệu quả, năng suất làm việc, góp phần thực hiện cải cách hành chính.

Ủy ban nhân dân TX. Quế Võ triển khai hợp không giấy tờ trên nền tảng công nghệ mới từ tháng 07/2022. Hội đồng nhân dân TX. Quế Võ triển khai hợp không giấy tờ từ đầu năm

2023. Qua đó, 100% các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã truy cập tài liệu họp dễ dàng, thuận tiện.

TX. Quế Võ thực hiện 100% chế độ báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội qua hệ thống thông tin - báo cáo của tỉnh từ đầu năm 2022; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo của tỉnh Bắc Ninh với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các hệ thống khác theo quy định.

Ngay sau khi TX. Quế Võ được thành lập và đi vào hoạt động kể từ ngày 10/4/2023 theo Nghị quyết số 723/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân thị xã đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cập nhật thông tin đơn vị hành chính mới cho 72 chứng thư số các cơ quan, đơn vị cấp huyện và 135 chứng thư số cấp xã; hỗ trợ các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường cập nhật mẫu con dấu mới vào phần mềm ký số văn bản điện tử.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thay đổi các thông tin hiển thị, đường dẫn liên kết, các danh mục cơ quan, tổ chức... trên các hệ thống phần mềm dùng chung như: Quản lý văn bản điều hành, thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh... phù hợp với đơn vị hành chính thị xã.

Về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, chỉ tính riêng trong Quý I/2024, TX. Quế Võ tiếp nhận và xử lý 2.557 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó tiếp nhận và xử lý trực tuyến 2.547 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,6%. Các xã phường trên địa bàn trong 2 tháng đầu năm tiếp nhận và xử lý 1.098 hồ sơ, trong đó tiếp nhận và xử lý trực tuyến 845 hồ sơ, đạt tỷ lệ 76,96%.

Về xử lý phản ánh, kiến nghị, toàn thị xã tiếp nhận 749 phản ánh, kiến nghị, đã xử lý 730 phản ánh, kiến nghị đạt tỷ lệ 97,5%. Trong lĩnh vực kinh tế số và xã hội số, 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán điện tử đạt 45%.

Thời gian tới, TX. Quế Võ tiếp tục ưu tiên nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số nhur củng cố trang thiết bị, cơ sở vật chất, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tại các đơn vị gắn với triển khai ứng dụng và phát huy hiệu quả các ứng dụng dùng chung của tỉnh Bắc Ninh.

Chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tiếp tục huy động sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân trong công tác chuyển đổi số. Tập trung thúc đẩy sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số, phổ cập kỹ năng số để người dân được thụ hưởng các kết quả do chuyển đổi số mang lại.

TX. Quế Võ xác định tiếp tục gắn các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng và ban hành các văn bản quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử, ký số văn bản trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

Đồng thời, tăng cường bảo mật thông tin mạng cho hệ thống công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông hướng dẫn người dân và doanh

nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến cũng như việc giao tiếp với cơ quan nhà nước qua môi trường mạng.

Nguồn: baobacninh.com.vn/vietnamnet.vn

BẮC GIANG: NÂNG ĐIỂM CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH LẤY DOANH NGHIỆP LÀ TRUNG TÂM PHỤC VỤ

Đầu tháng 5 vừa qua, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ công bố báo cáo thường niên Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023. Tỉnh Bắc Giang đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, trong đó có 3/10 chỉ số thành phần quan trọng tăng điểm so với năm trước.

Tạo sự hài lòng cho doanh nghiệp

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hằng năm được đánh giá trên 10 chỉ số thành phần. Năm 2023, tỉnh Bắc Giang đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố trên bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh với 69,75 điểm. Điểm số này do các doanh nghiệp đánh giá thông qua phiếu khảo sát. Đáng lưu ý, trong số 10 Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thành phần có 3 chỉ số quan trọng tăng điểm so với năm trước là: Gia nhập thị trường đạt 7,05 điểm, tăng 0,4 điểm; chi phí thời gian đạt 7,71 điểm, tăng 0,33 điểm; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đạt 7,24 điểm, tăng 1,14 điểm. 3 chỉ số tăng điểm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Riêng Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có số điểm tăng cao nhất. Chỉ số này tăng 12 bậc so với năm trước, xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Do đây là chỉ số được gán trọng số cao ở mức 15% nên góp phần nâng điểm chung cho kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh. Tỉnh Bắc Giang được đánh giá nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế tốt toàn quốc năm 2023.

Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có 13 chỉ tiêu thành phần, trong đó có nhiều chỉ tiêu được doanh nghiệp đánh giá có sự chuyển biến tích cực, chấm điểm cao như: Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự doanh nghiệp; thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường; thủ tục tiếp cận mặt bằng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo nghề...

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hòa Phú Trần Sỹ Nam, Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú (huyện Hiệp Hòa) cho biết, dự án Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1 cần giải phóng mặt bằng 85ha. Thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tích cực phối hợp, tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và hoàn thiện thủ tục hồ sơ cho doanh nghiệp thuê đất tại Khu công nghiệp. Đến nay, Khu công nghiệp này đã giải phóng mặt bằng xong hơn 76ha.

Tương tự, một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số gia nhập thị trường cũng được nhiều doanh nghiệp đánh giá tích cực. Cụ thể, chỉ tiêu thời gian đăng ký doanh nghiệp rút ngắn từ 8 ngày xuống còn 7 ngày năm 2023; thời gian thay đổi đăng ký nội dung đăng ký doanh nghiệp rút ngắn từ 6,5 ngày xuống còn 3,5 ngày. Đối với Chỉ số chi phí thời gian, gần 95% số doanh nghiệp trả lời phiếu khảo sát cho rằng, thời gian thực hiện chỉ tiêu về thủ tục hành chính của tỉnh Bắc Giang được rút ngắn hơn so với quy định; hơn 95% số doanh nghiệp cho biết không phải đi lại nhiều lần lấy dấu và chữ ký.

Phấn đấu giữ vững và nâng điểm các chỉ số

Kinh nghiệm cho thấy, để đạt được kết quả trên, năm 2023, tỉnh Bắc Giang thực hiện phương châm lấy doanh nghiệp là trung tâm phục vụ. Đồng thời, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan đầu mối phụ trách từng chỉ số thành phần để có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả đạt được, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Từ đó, có biện pháp chỉ đạo phù hợp theo hướng tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Tỉnh Bắc Giang cũng giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành, địa phương thực hiện các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần.

Cụ thể, Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao là đơn vị đầu mối đối với Chỉ số gia nhập thị trường. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Cục Thuế tỉnh, Sở Công Thương... thực hiện các chỉ tiêu thuộc chỉ số này. Sở Công Thương là đơn vị đầu mối đối với Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp. Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh... được phân công thực hiện các chỉ tiêu trực thuộc. Sở Nội vụ phụ trách Chỉ số chi phí thời gian. Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh... được giao thực hiện các chỉ tiêu trong chỉ số này.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các sở, ngành đã xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện từng chỉ số. Các đơn vị đều quan tâm rà soát cải cách thủ tục hành chính; thường xuyên đối thoại, lắng nghe ý kiến phản ánh của người dân, doanh nghiệp để kịp thời giải quyết những vướng mắc...

Giám đốc Sở Công Thương Trần Quang Tấn cho biết, Sở là đơn vị phụ trách Chỉ số thành phần chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đồng thời thực hiện một số chỉ tiêu thuộc chỉ số này. Căn cứ vào kế hoạch đã xây dựng, Sở phân công từng phòng chuyên môn thực hiện, định kỳ hằng tháng kiểm điểm, đánh giá tiến độ. Năm 2023, Sở tổ chức một số cuộc tập huấn, đối thoại, xúc tiến thương mại nhằm phổ biến thông tin thị trường, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp... Với cách làm này, hầu hết các chỉ tiêu do Sở thực hiện đều được đánh giá tích cực. Ví như chỉ tiêu thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường có gần 81% số doanh nghiệp được hỏi cho rằng dễ thực hiện. Chỉ tiêu này tăng 37 bậc so với năm 2022...

Bên cạnh kết quả đạt được, việc thực hiện một số chỉ tiêu thuộc 3 chỉ số thành phần trên vẫn còn hạn chế, chưa bảo đảm bền vững. Cụ thể, chỉ tiêu tỷ lệ doanh nghiệp cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh tra, kiểm tra bị trùng lặp (thuộc chỉ số chi phí thời gian) tăng so với năm trước. Chỉ tiêu này do Thanh tra tỉnh phụ trách, các sở, ngành, huyện, thị xã,

thành phố phối hợp thực hiện. Hay, như vẫn còn hơn 37% số doanh nghiệp được hỏi cho rằng chỉ tiêu thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do chưa được cơ quan nhà nước địa phương giải đáp hiệu quả (thuộc Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp) do Sở Công Thương phụ trách. Khoảng 65% số doanh nghiệp được hỏi đánh giá, chỉ tiêu doanh nghiệp còn gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (thuộc chỉ số gia nhập thị trường) do Sở Kế hoạch và Đầu tư phụ trách. Các đơn vị phối hợp là: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông - Vận tải, Sở Y tế, Công an tỉnh...

Năm nay, tỉnh Bắc Giang phấn đấu đứng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Do đó, việc nâng điểm 3 chỉ số thành phần trên có ý nghĩa quan trọng. Tháng 5 vừa qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024. Theo đó, tỉnh Bắc Giang tiếp tục giao cho các đơn vị đầu mối phụ trách và thực hiện các chỉ tiêu cụ thể. Riêng đối với 3 chỉ số thành phần, mục tiêu yêu cầu số điểm tối thiểu phải bằng năm trước, phấn đấu nâng điểm năm nay, cụ thể: Gia nhập thị trường đạt 7,11 điểm; chi phí thời gian 7,76 điểm; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp 7,29 điểm.

Thời điểm này, các đơn vị như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nội vụ đang tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện đối với từng chỉ số được giao phụ trách, phấn đấu xong trong tháng 7/2024. Thanh tra tỉnh rà soát kế hoạch thanh tra, kiểm tra bị trùng lặp để điều chỉnh phù hợp. Các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông - Vận tải, Y tế, Công an tỉnh... đang tập trung tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp cấp phép kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực phụ trách bảo đảm đúng quy định.

Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang

SƠN LA: SỐ HÓA HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính là một trong những giải pháp quan trọng, cải tiến quy trình xử lý, giải quyết công việc của cơ quan hành chính nhà nước. Thời gian qua, các sở, ngành, địa phương thuộc tỉnh Sơn La tích cực thực hiện số hóa hồ sơ thủ tục hành chính, giúp tổ chức, cá nhân thụ hưởng dịch vụ công nhanh chóng, thuận tiện.

Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa” liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, từ ngày 01/12/2022, Bộ phận “Một cửa” cấp huyện và từ ngày 01/6/2023 tại Bộ phận “Một cửa” cấp xã, các thông tin, giấy tờ cá nhân của người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính được số hóa, cập nhật vào hệ thống phần mềm “một cửa” điện tử, chuyển cơ quan, đơn vị liên quan xử lý theo quy định.

Với chức năng, nhiệm vụ quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin “một cửa” điện tử của tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp với các sở, ngành để

ngộ cơ quan có thẩm quyền cấp chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng cho 100% cán bộ, công chức, viên chức các sở, ngành thực hiện nhiệm vụ tại trung tâm, sử dụng ký số dữ liệu, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, tập huấn nghiệp vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cán bộ, công chức, viên chức trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để tiếp thu, nắm bắt quy trình, các thao tác thực hành số hóa hồ sơ.

Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lò Văn Xoa chia sẻ: Sau khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính và thực hiện số hóa, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được chuyển vào kho lưu trữ cập nhật, bổ sung cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời để khai thác, tái sử dụng. Từ đầu năm đến nay, Trung tâm tiếp nhận vào hệ thống phần mềm một cửa điện tử tỉnh trên 105.190 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó 90% hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 94,5%.

Việc triển khai thực hiện số hóa hồ sơ thủ tục hành chính không chỉ tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp mà còn giảm áp lực cho cơ quan nhà nước. Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đã giao nhiệm vụ cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện và các xã, thị trấn yêu cầu cán bộ, công chức Bộ phận “Một cửa” thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; rà soát cơ quan, đơn vị chưa có chữ ký số để cấp. Ngoài ra, huyện Yên Châu bố trí kinh phí các địa phương mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ số hóa. Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thực hiện bằng 2 hình thức là trực tiếp, trực tuyến. Khi công dân đến nộp hồ sơ trực tiếp, công chức chuyên môn Bộ phận “Một cửa” tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đầy đủ theo quy định sẽ sao chụp từng loại giấy tờ, scan chuyển thành tài liệu điện tử và hướng dẫn công dân tạo tài khoản cá nhân để nộp hồ sơ trực tuyến.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu Lò Văn Cường cho biết: Sau khi hoàn thành các bước theo quy định, công chức chuyên môn trình lãnh đạo ký số và chuyển văn thư đóng dấu, trả kết quả cho công dân. Đối với hồ sơ tổ chức, công dân nộp trực tuyến, việc số hóa thực hiện trên hệ thống “một cửa” điện tử. Quá trình số hóa bảo đảm đầy đủ, chính xác dữ liệu của hồ sơ, giấy tờ được số hóa và tính hoàn thiện về nội dung, quy trình số hóa.

Anh Cao Đức Thiện, công chức Tư pháp - Hộ tịch, Ủy ban nhân dân xã Chiềng Păn, cho biết: Qua một năm triển khai, việc số hóa hồ sơ thủ tục hành chính mang lại hiệu quả tích cực, kết quả số hóa hồ sơ thủ tục hành chính được tái sử dụng giúp giảm giấy tờ, chi phí. Nhất là, thông tin hộ tịch được số hóa, khi công dân có yêu cầu cấp trích lục hộ tịch, không mất thời gian tìm kiếm sổ hộ tịch gốc như trước, chỉ cần tra cứu trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với các sở, ngành, công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang triển khai tích cực. Là đơn vị có 100% thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến nên việc số hóa hồ sơ của Sở Tài chính luôn đạt cao. Với 22 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, Sở khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên dụng, như: Hệ thống quản lý văn bản đi, đến và hồ sơ công việc; phần mềm kế toán hành chính

sự nghiệp; hệ thống quản lý điều hành tài chính ngân sách; kho dữ liệu thu - chi... Hiện nay, 100% cán bộ, công chức cơ quan được cấp chứng thư số, thực hiện ký số văn bản điện tử.

Phó Giám đốc Sở Tài chính Trương Mạnh Thắng cho biết: Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính giúp người dân, doanh nghiệp không phải thực hiện các thủ tục kiểm tra, xác nhận hoặc cung cấp lại hồ sơ, giấy tờ, thông tin, kết quả giải quyết đã được số hóa theo quy định. Đồng thời, được trả và công nhận tính pháp lý của kết quả giải quyết thủ tục hành chính ký số trong tất cả các giao dịch với Bộ phận “Một cửa”; được giám sát, đánh giá, phản hồi trực tuyến quá trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước.

Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng chính quyền điện tử, nhằm thay đổi thói quen từ làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường mạng. Qua đó, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay.

Nguồn: baosonla.org.vn

VĨNH PHÚC: TĂNG TỐC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ

Với nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ, tỉnh Vĩnh Phúc đã đạt được kết quả tích cực trong xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp.

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm

Đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính quyền số, tỉnh đã ban hành nhiều đề án, kế hoạch, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm như tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số, thông tin số và dữ liệu số; xây dựng thể chế số; củng cố an toàn thông tin, an ninh mạng; đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự thống nhất, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số.

Hạ tầng mạng viễn thông của tỉnh đã phủ rộng đến các thôn, tổ dân phố, đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Vĩnh Phúc không ngừng được hoàn thiện, tối ưu nhất để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân, đáp ứng quy trình tiếp nhận và xử lý giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm liên thông 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) và kết nối với các hệ thống thông tin theo quy định của Chính phủ.

Hiện, hệ thống đã hoàn thiện tính năng số hóa hồ sơ và kết nối với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia; có 701 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 516 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần.

Bên cạnh đó, nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) của tỉnh Vĩnh Phúc được cài đặt, vận hành tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh đã thiết lập, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia, Cổng thanh toán tập trung quốc gia; Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) đang được đẩy nhanh tiến độ vận hành thử nghiệm..

Đến nay, các loại văn bản, giấy tờ chỉ đạo, điều hành của tỉnh chủ yếu ban hành dưới dạng văn bản điện tử, tỷ lệ ký số trên phần mềm quản lý văn bản đạt trên 99%.

Để người dân thuận lợi khi tham gia các giao dịch trên môi trường mạng, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tập trung thực hiện công tác cấp căn cước công dân gắn chip, cấp tài khoản định danh điện tử cho công dân; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp nỗ lực số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thành lập bộ phận giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến...

Nhờ đó, tỷ lệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng. Từ đầu năm đến nay, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến tại các huyện, thành phố (bao gồm các xã, phường, thị trấn) đạt 99,39%; cấp tỉnh (sở, ban, ngành, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) đạt 60,48%.

Gắn trách nhiệm người đứng đầu

Năm 2024, là năm thứ 3 Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện giao chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số cho thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố với nhiều chỉ tiêu mới, khó và lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số để đánh giá người đứng đầu.

Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền số, các cấp, ngành, địa phương tăng cường vai trò của người đứng đầu trong triển khai thực hiện từng chỉ tiêu chuyển đổi số được giao, quan tâm đầu tư kinh phí hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, tổ chức ký cam kết, giao chỉ tiêu đến từng phòng, ban, đơn vị.

Đồng thời, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức phát huy sáng kiến, nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, chất lượng các nhiệm vụ xây dựng chính quyền số được giao.

Phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu được giao trong năm 2024 về chuyển đổi số nói chung và xây dựng chính quyền số nói riêng, Ủy ban nhân dân TP. Vĩnh Yên đã chỉ đạo 100% các phòng, ban, đơn vị trực thuộc ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc; sử dụng các ứng dụng phần mềm phục vụ công tác chuyên môn.

Hiện nay, 100% văn bản đến và đi của Ủy ban nhân dân TP. Vĩnh Yên (trừ văn bản mật) đều được cập nhật và xử lý qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Việc gửi nhận văn bản điện tử có chữ ký số giữa các cơ quan nhà nước được sử dụng rộng rãi giúp giảm thời gian và chi phí, nâng cao mức độ an toàn, bảo mật cho các giao dịch.

Bên cạnh đó, TP. Vĩnh Yên đã đầu tư thiết bị để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong chế độ hội họp, tiến tới thực hiện các cuộc họp không giấy tờ. Trong tổng số 15 nhiệm vụ chuyển đổi số được giao, đến nay, TP. Vĩnh Yên đã thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu 13

nhiệm vụ, 1 nhiệm vụ chưa triển khai thực hiện do phần mềm chưa đưa vào hoạt động chính thức, 1 nhiệm vụ đang tiếp tục được triển khai.

Quyết tâm thực hiện mục tiêu “Đến năm 2025 xây dựng, hoàn thiện các nền tảng số để chính quyền số vận hành đồng bộ, toàn diện, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trên môi trường thực - số”, tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chính quyền số; phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chính quyền số.

Đồng thời, quan tâm xây dựng cơ sở pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số, nền tảng số, thông tin số và dữ liệu số; củng cố an toàn thông tin, an ninh mạng; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức; thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn cao về công nghệ thông tin, an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số của tỉnh...

Nguồn: baovinhphuc.com.vn

THANH HÓA: TRÁCH NHIỆM CÔNG VIỆC NHÌN TỪ TÁM GƯƠNG NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Thời gian qua, công cuộc phòng chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được thực hiện đồng bộ, quyết liệt với nhiều điểm sáng và kết quả tích cực. Cấp ủy, chính quyền các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, làm thay đổi nhận thức, thái độ của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, đồng thời kiên quyết thay thế những cán bộ thiếu trách nhiệm, không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.

Tình trạng nhận thức “không làm không sai”

Hiện tượng cán bộ sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám thực thi công vụ trong thời gian qua không phải là hiện tượng đơn lẻ, nó diễn ra và thể hiện rõ, phổ biến trong những lĩnh vực khó, nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực, sai phạm: giải ngân vốn đầu tư công, quản lý đất đai, bất động sản, mua sắm trang thiết bị khu vực công, trang thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

Đáng lo ngại là lối nghĩ ngày càng phổ biến trong đội ngũ cán bộ, công chức là “không làm không sai”. Đây là dấu hiệu “tự diễn biến” trong tư tưởng chính trị của cán bộ, công chức, gây cản trở tới kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và sự phát triển của tỉnh. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật hiện nay chưa có những quy định cụ thể để xử lý cán bộ, công chức né việc, chỉ quy định xử lý khi cán bộ không chấp hành giờ làm việc, nghỉ việc không đúng quy định, làm việc riêng trong giờ hành chính... Cán bộ, công chức vẫn ở cơ quan theo đúng quy định thì không dễ để xử lý khi công việc chưa hoàn thành.

Thời gian qua, xuất hiện nhiều hơn tình trạng gửi văn bản lên hỏi cấp trên, hỏi các cơ quan quản lý ngành, mặc dù theo quy định của pháp luật thì cơ quan, địa phương ấy đủ thẩm quyền để quyết định, xử lý công việc và chịu trách nhiệm. Công việc bị đình trệ, công việc chưa thông

hiều khi được cán bộ giải thích rằng chưa đủ căn cứ pháp luật để giải quyết và việc gửi các văn bản lòng vòng cũng được giải thích là quá trình thực thi nhiệm vụ, không dễ để “bắt lỗi”.

Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, loại bỏ cán bộ yếu kém, suy thoái ra khỏi bộ máy

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm, then chốt để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước là tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị từ tinh đến cơ sở trong sạch, vững mạnh. Tại các kỳ họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, Bí thư Tỉnh ủy Đỗ Trọng Hưng luôn nhấn mạnh: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện, chức trách, nhiệm vụ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bè phái, cục bộ địa phương, mất đoàn kết, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết điều động, luân chuyển, bố trí lại người đứng đầu không hoàn thành nhiệm vụ được giao, để địa phương, đơn vị trì trệ, có nhiều hạn chế, yếu kém chậm được khắc phục. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả chương trình hành động thực hiện khâu đột phá về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo chuyển biến rõ nét trong sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, đặc biệt là quan tâm thực hiện chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị.

Tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa Đỗ Minh Tuấn nhiều lần khẳng định, để đưa tỉnh Thanh Hóa phát triển nhanh, bền vững cần chỉ đạo siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính Nhà nước, xử lý nghiêm minh, dứt khoát những tập thể, cá nhân không chấp hành quy định, không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công việc, trước hết là người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Chỉ thị số 01-CT/UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh nêu rõ: Các địa phương đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thực hiện nghiêm quy định về tiếp nhận, xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính; tuyệt đối không để các ngành, các cấp xảy ra chậm trễ trong giải quyết công việc được giao, xử lý nghiêm minh những trường hợp chậm trễ trong xử lý công việc, chất lượng tham mưu thấp, có hành vi nhũng nhiễu, phiền hà, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trách nhiệm, nhất là người đứng đầu.

Nêu gương người đứng đầu

Để phát huy hiệu quả vai trò, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã cụ thể hóa Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ban hành Quyết định số 1089-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên gắn với chức năng, nhiệm vụ được phân công của từng cơ quan, đơn vị và cá nhân; chỉ đạo cấp ủy các cấp ban hành chương trình hành động nâng cao tinh thần trách

nhệm, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc gắn với khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; Quy định cụ thể về trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong sinh hoạt Đảng, trong thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, Quy định “Những điều đảng viên không được làm”.

Với phương châm “Bàn làm, không bàn lùi”, với tinh thần “Không ngồi trong phòng xem tài liệu, báo cáo”, ngay từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa đã đi thị sát, khảo sát rất nhiều các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh, lắng nghe những khó khăn, đề xuất, kiến nghị của các địa phương, nhà thầu; từ đó, chỉ đạo, tháo gỡ “điểm nghẽn” trong giải phóng mặt bằng, tái định cư, các nguồn lực để thi công công trình, dự án. Yêu cầu các địa phương phải tập trung cao độ trong lãnh đạo, chỉ đạo, có kế hoạch cụ thể, rõ việc, rõ thời gian, rõ sản phẩm; phải rà soát kỹ càng những việc phải làm, đặc biệt là những việc phải làm ngay để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là tập trung cao độ trong công tác giải phóng mặt bằng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân hiểu về mục đích, ý nghĩa của dự án, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhấn mạnh có khó khăn, vướng mắc phải tìm biện pháp giải quyết, không biện lý do để thoái thác trách nhiệm, làm chậm trễ dự án, cản trở sự phát triển của tỉnh.

Có thể nói, với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt được xác định ngay từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025, các đồng chí lãnh đạo tỉnh đã “truyền lửa” tinh thần làm việc và hành động đến các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Nhờ đó, trong giai đoạn 2020 - 2024, tỉnh Thanh Hóa luôn là 1 trong những địa phương đi đầu, có tốc độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước, hiện thực hóa quyết tâm xây dựng tỉnh Thanh Hóa trở thành cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc.

*** Thanh Hóa: Đẩy mạnh việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính trên môi trường điện tử**

Để đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới, tiếp tục đẩy mạnh việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, ngày 04/7/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Công văn số 9536/UBND-THKH về việc đẩy mạnh việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu Giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, xác định việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, xử lý thủ tục hành chính trên môi trường điện tử là thực hiện đột phá về cải cách hành chính, đổi mới tác phong, lề lối làm việc theo hướng hiện đại, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng trong đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Tiếp tục triển khai đồng bộ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giao dịch điện tử, chữ ký số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và chỉ đạo việc xử lý công việc, nhất là việc gửi, nhận văn bản trên môi trường điện tử của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo 100% các văn bản, hồ sơ công việc được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số và gửi, nhận trên môi trường điện tử theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 về việc tập trung chỉ đạo đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính chuyển từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Đề nghị các Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy chỉ đạo văn phòng cấp ủy trực thuộc thường xuyên theo dõi (tối thiểu 2 lần một ngày, trong buổi sáng và buổi chiều, kể cả ngày nghỉ), kiểm tra hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc để kịp thời cập nhật, tham mưu triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao và tham dự các hội nghị do Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tổ chức đúng thành phần và thời gian quy định.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành, đơn vị có liên quan, thực hiện việc rà soát danh sách các đơn vị thường xuyên có văn bản trao đổi với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, tạo lập địa chỉ gửi nhận văn bản điện tử cho đơn vị, đảm bảo phù hợp với nhu cầu của đơn vị và quy định của pháp luật có liên quan, hoàn thành trước ngày 15/7/2024.

Kể từ ngày 25/7/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa không gửi văn bản giấy cho các đơn vị đã có địa chỉ gửi nhận văn bản điện tử trên hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (trừ các văn bản, hồ sơ công việc liên quan đến thủ tục hành chính công và văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

Nguồn: baothanhhoa.vn

QUẢNG BÌNH: THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ NÔNG NGHIỆP

Chuyển đổi số trong nông nghiệp ở tỉnh Quảng Bình đang có những bước tiến mạnh mẽ, không chỉ giúp nông dân tiếp cận, cập nhật tri thức mới, mở ra cách nghĩ, cách làm mới mà còn thúc đẩy chuyển đổi từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, phát triển nền nông nghiệp theo hướng bền vững. Năm 2024, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phấn đấu 80% sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh được hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử; 30% các sản phẩm OCOP thực hiện truy xuất nguồn gốc; ứng dụng công nghệ AI xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản; mở rộng diện tích cây trồng cận áp dụng các biện pháp tưới thông minh, tưới tiết kiệm...

Thời gian qua, việc số hóa trong sản xuất nông nghiệp được nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ứng dụng rộng rãi, hiệu quả. Nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất đã mạnh dạn ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số trong chăm sóc, theo dõi, quản lý bằng công nghệ thông tin qua điện thoại, máy tính; sản phẩm được đăng ký tem, mác, mã số, mã vạch giúp thuận tiện giao dịch, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

Điển hình như Hợp tác xã Sản xuất nấm sạch và kinh doanh nông nghiệp Tuấn Linh (ở xã Sơn Lộc, Bố Trạch). Hợp tác xã là một trong những đơn tiên phong ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, từng bước chuyển đổi số trong sản xuất để đưa sản phẩm vươn xa trên thị trường. Đến nay, để quản lý toàn bộ quy trình sản xuất, số lượng thành phẩm, theo dõi doanh thu và tiến độ phân phối các đơn hàng, Hợp tác xã đã ứng dụng linh hoạt App KiotViet, phần mềm nhật ký sản xuất FaceFarm, quản trị sản xuất erp ROSY (quản lý nhân sự), chữ ký số, xuất hóa đơn điện tử... Các công đoạn quản lý thủ công trước đây của Hợp tác xã giờ đã được thay thế bằng các phần mềm hiện đại, hiệu quả. Chỉ một vài cái click chuột trên máy tính hoặc app cài đặt trên smartphone, tất cả các thông tin về quá trình sản xuất, lượng hàng tiêu thụ, hạn sử dụng, tiến độ phân phối trên thị trường đều được hiển thị nên dễ quản lý hoạt động sản xuất của đơn vị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Hợp tác xã Nguyễn Quốc Hương cho biết: Hiện nay, Hợp tác xã có 13 sản phẩm chế biến từ nấm, như: Nấm linh chi quả thể, nấm linh chi bột, trà cà gai leo linh chi, nấm sò tươi, nấm hoàng đế, nước mắm chay từ nấm... đã đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, 4 sao, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp khu vực và có mặt tại nhiều chuỗi hệ thống siêu thị trên toàn quốc cũng như trên các trang thương mại điện tử: Buudien.vn, voso.vn, quangbinhtrade.vn...

Là một trong những người tiên phong xây dựng mô hình sản xuất trong nhà màng, nhà lưới, anh Nguyễn Quang Vinh, thôn Hòa Đông, xã Hưng Thủy (Lệ Thủy) đã phát triển được 3.000m² trồng rau, dưa lưới, hoa cúc.

Anh Vinh cho biết: “Trồng rau, quả trong nhà màng có nhiều ưu điểm như quản lý cây trồng tốt hơn, giúp che nắng, mưa và ngăn côn trùng xâm nhập. Ngoài ra, tôi còn đầu tư lắp đặt hệ thống tưới nước nhỏ giọt theo công nghệ Israel cho chất dinh dưỡng từ phân bón và lượng nước cung cấp cho cây đến tận gốc, đáp ứng tốt từng giai đoạn sinh trưởng của cây và không bị lãng phí nguồn nước tưới. Phương pháp này còn có lợi ích ngăn ngừa sâu bệnh bằng cách giảm thiểu tiếp xúc nước với lá, thân và hoa, giảm rửa trôi của nước và chất dinh dưỡng dưới vùng gốc; tiết kiệm chi phí lao động, thời gian sản xuất”.

Ưu điểm lớn nhất của phương pháp này là người sản xuất có thể lắp đặt hẹn giờ tưới tự động theo quy trình canh tác và cài đặt trên hệ thống thời điểm tưới, thời gian tưới cụ thể nên dù có đi công việc ở xa, hệ thống đều tự động tưới nước, bảo đảm cung cấp đủ nước cho cây trồng.

Tại các trang trại chăn nuôi quy mô lớn, để hạn chế nhân công ra vào chuồng nuôi, các chủ trang trại đã mạnh dạn đầu tư hệ thống ăn, uống nước tự động, hệ thống cảm biến để kiểm soát nhiệt độ chuồng nuôi, theo dõi chăm sóc đàn vật nuôi trên máy tính hoặc qua màn hình tivi... Nhờ đó, các sản phẩm chăn nuôi chất lượng, đáp ứng yêu cầu về năng suất, kiểm

soát dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm... Trong nuôi trồng thủy sản, các mô hình nuôi tôm thẻ công nghệ cao cũng đã bước đầu áp dụng khoa học-kỹ thuật, quản lý các yếu tố môi trường, lượng thức ăn... Việc ứng dụng phần mềm trên điện thoại cũng đã góp phần hạn chế các thiệt hại do dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Thời gian qua, đề nông dân thay đổi tư duy và thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tăng cường truyền thông nhằm thúc đẩy nông dân chủ động tham gia kết nối tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử; xây dựng hệ thống phần mềm quản lý vùng trồng, cơ sở đóng gói, quản lý vùng nuôi và trang trại chăn nuôi.

Trong phát triển kinh tế số, Sở đã chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất, truy xuất nguồn gốc và thương mại sản phẩm. Đặc biệt, tăng cường giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP trên nền tảng số, góp phần thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp. Từ đó, góp phần quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm nông nghiệp.

Đến nay, có 168 sản phẩm OCOP được công nhận từ 3 sao trở lên (trong đó có 28 sản phẩm 4 sao, 140 sản phẩm 3 sao), 100% sản phẩm OCOP đều được đăng tải đầy đủ trên trang web: <http://ocop.quangbinh>. Lượng tiêu thụ các sản phẩm trên nền tảng số tăng mạnh, góp phần nâng cao kinh tế, phát huy được tiềm năng, lợi thế của các địa phương.

Tuy nhiên, theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quá trình chuyển đổi số ngành Nông nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó, sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất còn hạn chế; công nghệ số ứng dụng vào sản xuất và xúc tiến tiêu thụ để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường chưa cao; xã hội số nông nghiệp, chia sẻ khai thác thông tin ngành Nông nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống xã hội còn nhiều bất cập; các hộ nông dân và nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất còn hạn chế trong sử dụng máy tính, thiết bị di động thông minh...

Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Đình Hiệp cho biết: chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp đã có nhiều kết quả khả quan, không những góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sự cạnh tranh và cũng là cơ hội để thay đổi tư duy sản xuất từ nhỏ lẻ, manh mún kém hiệu quả, thiếu chuỗi liên kết sang nền nông nghiệp tiên tiến. Thời gian tới, Sở sẽ tiếp tục tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người nông dân về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn nói riêng; tổ chức phổ cập kỹ năng số cho nông dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn thông qua các hoạt động xã hội hóa; chú trọng thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, thực hiện chuyển đổi số, tạo ra quá trình sản xuất khép kín, đồng bộ và hình thành chuỗi liên kết sản xuất hàng hóa.

Nguồn: baoquangbinh.vn

QUẢNG TRỊ: ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

6 tháng đầu năm 2024, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện và các xã, thị trấn huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thực hiện tốt việc niêm yết công khai, đầy đủ 100% thủ tục hành chính, trong đó cấp huyện 332 thủ tục, cấp xã 151 thủ tục, đồng thời cung cấp đầy đủ mẫu đơn, tờ khai phí, lệ phí cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch hành chính đảm bảo đúng quy định. Ngoài việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính theo cách truyền thống, Ủy ban nhân dân một số xã, thị trấn còn niêm yết công khai bằng bộ mã QR-Code, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức truy cập nhanh chóng để thực hiện.

Cùng với đó, Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến về thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, đồng thời thực hiện tốt dự án Dân chăm điểm bằng việc nhập thông tin hồ sơ làm thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả qua website “một cửa điện tử”. Công tác nhập hồ sơ ứng dụng phần mềm “một cửa điện tử” được các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện đầy đủ, đảm bảo quy định.

Đối với danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, nhất là dịch vụ hành chính công thiết yếu, phát sinh nhiều hồ sơ ngày càng được mở rộng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức trong thực hiện thủ tục hành chính. Một điều đáng ghi nhận là công chức, viên chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện thực hiện đầy đủ việc cập nhật, số hóa thông tin hồ sơ thủ tục hành chính lên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu luân chuyển, xử lý hồ sơ điện tử. Với cách làm này, thời gian qua Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn không tiếp lượt công dân nào đến khiếu nại kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với công tác thu ngân sách nhà nước, cơ quan chuyên môn Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong tăng cường rà soát hộ kinh doanh phát sinh trên địa bàn để đưa vào quản lý, không để thất thu ngân sách, tạo sự bình đẳng trong môi trường kinh doanh, đảm bảo chỉ tiêu Cục thuế tỉnh giao về hộ và số thuế. Các cơ quan, địa phương liên quan như Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tích cực phối hợp để khai thác triệt để nguồn thu từ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động rà soát các khoản thu của địa phương để đưa ra giải pháp, mục tiêu cụ thể nhằm hoàn thành số thu ngân sách trên địa bàn.

Về chi ngân sách, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Triệu Phong sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm cũng như cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết. Cơ quan chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách nhà nước đảm bảo chi đúng chế độ, đồng thời thực hiện cải

cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định.

6 tháng đầu năm 2024, huyện Triệu Phong đã thực hiện ứng dụng chữ ký số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đi vào nền nếp, tổng số văn bản điện tử thực hiện 9.500, trong đó văn bản đi ký số 9.008, đạt 94,8%, lãnh đạo ký số 8.342 văn bản, đạt 93,6%. Về duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo tại trụ sở xã, nhà văn hóa thôn, tiểu khu và thông tin qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở.

Tiếp tục công khai đầy đủ thủ tục hành chính, quy trình, thời gian giải quyết, lệ phí, các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cũng như công khai số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân. Công khai trên Cổng thông tin điện tử huyện, Trang thông tin điện tử xã, thị trấn và bảng niêm yết thủ tục hành chính xã, thị trấn để người dân biết thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất nơi cư trú, bảng giá đất hằng năm. Qua đó, tạo điều kiện để người dân đóng góp ý kiến đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường áp dụng phần mềm “một cửa điện tử” trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cũng như thực hiện nghiêm túc công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện hiệu quả công tác giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời thực hiện đảm bảo chỉ tiêu số lượng thủ tục hành chính mức độ cao và bưu chính công ích đã đề ra.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong đẩy mạnh thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” để nâng cao chất lượng việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính mức độ cao trên cổng dịch vụ công của tỉnh.

Đồng thời, tăng cường tỷ lệ số hóa khi tiếp nhận và số hóa kết quả giải quyết cũng như tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Tăng cường ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan nhà nước và luân chuyển hồ sơ trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

Nguồn: baoquangtri.vn

QUẢNG NAM: ĐẠT MỤC TIÊU 40% NGƯỜI DÂN TRƯỞNG THÀNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Đó là một trong những mục tiêu được Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đặt ra trong năm 2024.

Theo đó, thực hiện Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam (Ban Chỉ đạo) ban hành Kế hoạch số 102/KH-BCĐ về triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024. Kế hoạch này cập nhật, bổ sung Kế hoạch số 29/KH-BCĐ ngày 20/02/2024 của Ban Chỉ đạo.

Theo đó, tỉnh Quảng Nam ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các chương trình, chiến lược của quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đặc biệt là nguồn lực tạo lập, khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể chủ đề chuyển đổi số năm 2024 “Phát triển kinh tế số với 4 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững” của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

Mục tiêu đến hết năm 2024, toàn tỉnh Quảng Nam có 60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải; 40% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Đồng thời, toàn tỉnh Quảng Nam hoàn thành triển khai 25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Nam tiếp tục duy trì kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC); duy trì kết nối Hệ thống thông tin báo cáo với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, tất cả thôn, bản đang lờmsóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; các cơ quan, đơn vị đều sử dụng nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

*** Huyện Quế Sơn: Thí điểm mô hình “5 thủ tục hành chính không chờ”**

Huyện Quế Sơn (tỉnh Quảng Nam) sẽ áp dụng mô hình thí điểm “5 thủ tục hành chính không chờ” từ ngày 01/7 đến hết ngày 30/12/2024, góp phần tạo ra bước đột phá trong công tác cải cách hành chính của huyện.

Ủy ban nhân dân xã Quế Châu (huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam) vừa ra mắt mô hình “5 thủ tục hành chính không chờ”. Đây là một sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã.

Theo đó, mô hình “5 thủ tục hành chính không chờ” được xây dựng với mục tiêu giảm thiểu tối đa thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính và mang lại sự thuận tiện cho người dân.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quế Châu Đặng Ngọc Nhân cho biết, việc triển khai mô hình này không chỉ giúp nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước mà còn nhằm mục tiêu nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công.

5 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Hộ tịch được chọn để triển khai mô hình này bao gồm: Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Đăng ký kết hôn; Đăng ký lại khai tử; Đăng ký khai tử và Cấp bản sao trích lục hộ tịch.

“5 thủ tục hành chính này sẽ được giải quyết ngay trong ngày với tổng thời gian xử lý tối đa không quá 15 phút, giảm được 2 ngày làm việc so với quy định”, ông Nhân nói.

Để mô hình được triển khai hiệu quả, thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã Quế Châu đã có sự chuẩn bị kỹ. Các công chức Tư pháp - Hộ tịch và cán bộ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã đã được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, đảm bảo nắm vững quy trình và quy định pháp luật liên quan.

Công tác tuyên truyền về mô hình cũng được đẩy mạnh thông qua hệ thống đài truyền thanh và Cổng thông tin điện tử của xã. Bên cạnh đó còn có sự tham gia của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Quế Châu trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân nắm bắt được thông tin, cách thức thực hiện các thủ tục trong mô hình.

Sau thời gian thí điểm, Ủy ban nhân dân xã Quế Châu sẽ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện tốt hơn. Nếu mô hình đạt được những kết quả tích cực sẽ được xem xét mở rộng phạm vi áp dụng cho các thủ tục hành chính khác; đồng thời chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương trong huyện Quế Sơn để cùng nhân rộng.

Được biết, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của xã Quế Châu trong những năm gần đây và sự ra mắt mô hình “5 Thủ tục hành chính không chờ” vào chiều ngày 28/6/2024 là minh chứng rõ nét cho nỗ lực này.

Không để xảy ra tình trạng quá hẹn, sai sót

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quế Châu Nguyễn Minh Sỹ cho hay, thời gian qua, chính quyền địa phương đã quyết liệt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đến nay 100% văn bản và trao đổi công việc của địa phương được thực hiện thông qua phần mềm QOffice, zalo nội bộ, gmail,... 100% cán bộ, công chức được kết nối Internet đảm bảo cho việc truy cập thông tin, cập nhật thường xuyên văn bản của các cấp.

Trang thông tin điện tử của xã Quế Châu hoạt động thường xuyên để tuyên truyền, phổ biến các nội dung trong công tác cải cách hành chính giúp người dân nắm bắt các quy trình và tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Ngoài ra, trên địa bàn xã đang ứng dụng tối đa việc chuyển đổi số như triển khai phần mềm quản lý cán bộ, báo cáo khảo sát thủ tục hành chính, phần mềm tiền lương, bảo hiểm, phần mềm tư pháp...

Từ ngày 15/12/2023 đến 15/6/2024, Ủy ban nhân dân xã Quế Châu đã tiếp nhận tổng 328 hồ sơ (100% hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ trên hệ thống thông tin một cửa điện tử) và tất cả đã được giải quyết trước thời hạn (đạt 100%). Việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức và công dân khi đến giao dịch tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đều có kết quả hài lòng.

Ủy ban nhân dân xã Quế Châu cũng đã thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công là 130 hồ sơ của 4 thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.

“6 tháng đầu năm 2024, Ủy ban nhân dân xã chưa để xảy ra tình trạng quá hẹn, sai sót, vi phạm trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông...”, ông Sỹ chia sẻ.

Nguồn: vietnamnet.vn

GIA LAI: THÀNH LẬP 18 MÔ HÌNH PHỤ NỮ VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thực hiện chủ đề năm “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Hội”, trong 6 tháng đầu năm, các cấp Hội Phụ nữ tỉnh Gia Lai thành lập 18 mô hình “Tổ phụ nữ ứng dụng công nghệ 4.0”, “Phụ nữ chuyển đổi số” với tổng số 432 thành viên.

Các mô hình Tổ phụ nữ ứng dụng công nghệ 4.0, Phụ nữ chuyển đổi số góp phần tuyên truyền cho cán bộ, hội viên phụ nữ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Hội, đời sống gia đình và xã hội, phòng tránh lừa đảo qua mạng...

Ngoài ra, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Gia Lai thành lập thí điểm mô hình “Phụ nữ thị trấn Phú Hòa tự tin, hội nhập trên không gian mạng” tại huyện Chư Păh gồm 50 thành viên. Đây là mô hình tập hợp các nữ tiểu thương không có điều kiện trực tiếp tham gia sinh hoạt Hội có thể sinh hoạt Hội trên không gian mạng thông qua các phòng họp trực tuyến. Mô hình mới này sẽ tạo điều kiện cho những phụ nữ có hoàn cảnh, điều kiện, công việc đặc thù có thể tham gia các hoạt động Hội phụ nữ trên không gian mạng.

Trong 6 tháng đầu năm, các cấp Hội cũng tổ chức truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối mạng xã hội an toàn trong hoạt động Hội cho 550 cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ, Chi hội trưởng trong toàn tỉnh. Qua đó, đẩy mạnh chuyển đổi số trong đời sống hội viên phụ nữ.

Nguồn: baogialai.com.vn

CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở TỈNH BÌNH THUẬN: TRÁNH NHỮNG NHIỀU GÂY PHIÊN HÀ NGƯỜI DÂN

TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận phải giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn, đẩy mạnh thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đầu tư trang thiết bị để phục vụ người dân.

Chiều ngày 02/7/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận Đoàn Anh Dũng cùng lãnh đạo sở, ngành của tỉnh có buổi kiểm tra thực tế công tác cải cách hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TP. Phan Thiết và phường Phú Trinh.

Qua kiểm tra thực tế cho thấy, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TP. Phan Thiết việc phân công, bố trí nhân sự tại đây đảm bảo quy định; có quan tâm bố trí viên chức hướng dẫn tiếp nhận và hướng dẫn hồ sơ.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TP. Phan Thiết cũng đã thực hiện tốt mô hình Công dân không viết và mô hình Tổ hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến nhằm hỗ trợ người dân, tổ chức nộp hồ sơ thủ tục hành chính.

Địa phương cũng triển khai thực hiện tốt việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính... Tuy nhiên, hiện nay tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hẹn vẫn chưa đảm bảo yêu cầu đề ra; tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn cao, nhất là lĩnh vực đất đai.

Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường Phú Trinh đã trang bị đầy đủ các thiết bị và hoạt động ổn định; việc phân công, bố trí nhân sự đảm bảo quy định.

Tại đây, có bố trí một quầy và cử cán bộ, công chức hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và bố trí một máy vi tính kết nối mạng để phục vụ người dân tra cứu thông tin. Ngoài ra, địa phương cũng thực hiện tốt việc niêm yết công khai thông tin theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận Đoàn Anh Dũng ghi nhận và đánh giá cao kết quả công tác cải cách hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường Phú Trinh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TP. Phan Thiết.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đề nghị cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của TP. Phan Thiết tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, nâng cao trách nhiệm trong giải quyết công việc, tránh trường hợp chậm trễ, những nhiễu gây phiền hà cho người dân.

Đồng thời, có giải pháp để giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn; đẩy mạnh thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đầu tư trang thiết bị để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Nguồn: nguoiduatin.vn/viettimes.vn

BÌNH PHƯỚC: HƯỚNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao, những năm qua, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bình Phước đã không ngừng đổi mới phương pháp làm việc, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, góp phần phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Cắt giảm tối đa thủ tục hành chính

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an, Công an tỉnh Bình Phước, cán bộ, chiến sĩ Phòng Quản lý xuất nhập cảnh đã chủ động triển khai các văn bản, quy định của Nhà nước, Bộ Công

an về công tác xuất nhập cảnh và các văn bản của Công an tỉnh về cải cách hành chính để đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả tiếp nhận, giải quyết và cấp các loại giấy tờ liên quan đến xuất nhập cảnh cho người dân. Đồng thời, niêm yết công khai, đầy đủ thủ tục hành chính từ quy trình, thủ tục hồ sơ, lệ phí, thời gian giải quyết trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trên Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh; công khai số điện thoại đường dây nóng để người dân có thể phản ánh trực tiếp khi có vấn đề phát sinh, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ.

Để làm tốt công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, đơn vị đã tham mưu Ban Giám đốc Công an tỉnh Bình Phước ban hành nhiều văn bản, triển khai đồng bộ và toàn diện cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh. Tiến hành rà soát, giảm, loại bỏ các thủ tục giấy tờ không cần thiết, hạn chế thấp nhất những thủ tục phức tạp trong khâu tiếp nhận và xử lý hồ sơ, tạo thuận tiện cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đến làm việc.

Cụ thể, đơn vị đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-PA08-Đ2 ngày 04/3/2024 về kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong quản lý xuất nhập cảnh năm 2024. Đồng thời, hằng tháng rà soát, kiểm tra, cập nhật nội dung mới của các thủ tục hành chính để triển khai thực hiện trong đơn vị. Qua đó, đơn vị đã bãi bỏ 1 quy trình thủ tục hành chính được niêm yết công khai. Tiếp tục duy trì thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 3 ngày xuống còn 2 ngày đối với một thủ tục liên quan công dân Việt Nam, từ 5 ngày xuống còn 3 ngày đối với 4 thủ tục liên quan người nước ngoài...

6 tháng đầu năm 2024, đơn vị đã tiếp nhận, xử lý 21.059 hồ sơ thủ tục hành chính. Trong đó, có 19.210 hồ sơ trực tuyến, chiếm 91,2%; 1.849 hồ sơ trực tiếp, chiếm 8,8%. Đại úy Vũ Xuân Quỳnh, cán bộ Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bình Phước cho biết, đối với 5 thủ tục hành chính đã cam kết cắt giảm thời gian trả kết quả gồm: hồ sơ cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt Nam; hồ sơ cấp giấy thông hành cho cán bộ, công chức, viên chức; hồ sơ cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài; hồ sơ cấp thị thực, gia hạn tạm trú cho người nước ngoài; hồ sơ cấp giấy phép vào khu vực biên giới cho người nước ngoài, chúng tôi phải chủ động xử lý sớm. Đồng thời, chúng tôi triển khai làm thêm giờ vào ban đêm và cuối tuần để đảm bảo xử lý, trả kết quả đúng quy định.

Vì dân phục vụ

Chị Trần Thị Thùy Trang ở xã Thanh Phú, TX. Bình Long đến Công an tỉnh Bình Phước làm các thủ tục tạm trú cho người nước ngoài. Đây là việc làm thường xuyên của chị mỗi khi công ty nơi chị công tác có chuyên gia nước ngoài đến làm việc. Chị cho biết, ngoài các thủ tục được niêm yết công khai, minh bạch, hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện đại, thoáng mát, chị còn rất hài lòng với sự hướng dẫn, hỗ trợ nhiệt tình của cán bộ, chiến sĩ tiếp dân nơi đây.

Đơn vị đã đăng ký xây dựng mô hình “Cán bộ, chiến sĩ Phòng Quản lý xuất nhập cảnh tận lực, tận tâm, thân thiện, vì Nhân dân phục vụ”. Với phương châm lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng công việc, cán bộ làm nhiệm vụ tiếp dân chịu

trách nhiệm chính trong thực hiện nội dung này. Song song đó, trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, cán bộ, chiến sĩ phải nắm, rèn và thực hiện phương châm 6 biết, gồm: “Biết chào - biết cười - biết lắng nghe - biết hướng dẫn - biết cảm ơn - biết xin lỗi”.

Trung tá Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phó Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Bình Phước cho biết, xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, phòng đã không ngừng đổi mới phương pháp làm việc, hướng đến sự hài lòng của người dân. Ngoài ra, còn đẩy mạnh rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện công khai, minh bạch dịch vụ công các thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người dân.

Với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, nâng cao chất lượng cải cách hành chính và hiệu quả phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, thời gian tới, lực lượng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bình Phước tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính góp phần hoàn thành mục tiêu Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trong Công an nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương và xây dựng lực lượng Công an tỉnh Bình Phước thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nguồn: baobinhphuoc.com.vn

AN GIANG: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG

Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 của tỉnh An Giang đạt 41,85 điểm, xếp hạng 35/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng 9 bậc so năm 2022), nằm trong nhóm các tỉnh đạt điểm trung bình thấp; xếp hạng 3/13 tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Để nâng cao kết quả xếp hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đề ra nhiều giải pháp cải thiện chất lượng quản trị và hành chính công từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước yêu cầu, việc nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, ngành và địa phương; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền. Do đó, cần triển khai kế hoạch thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh trong toàn ngành, địa phương, tạo chuyển biến tích cực và hiệu quả nhất của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là với cấp chính quyền cơ sở.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, các địa phương đã xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2024, chủ động triển khai có hiệu quả những nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước.

Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, những quy định mới của Trung ương, của tỉnh An Giang trong Nhân dân bằng nhiều hình thức, như: phổ biến qua các cuộc hội nghị, họp giao ban, thông tin tuyên truyền qua Cổng thông tin điện tử, hệ thống đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã và các hình thức phổ biến khác. Qua đó, giúp người dân dễ dàng tiếp cận và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan.

Tỉnh An Giang tăng cường chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các giải pháp nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, những quy định của pháp luật liên quan đến việc cung ứng dịch vụ công, thủ tục hành chính công... để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về các nội dung liên quan đến Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Phòng, chống tham nhũng và các nội dung khác của Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

Sở Nội vụ cho biết, sẽ tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, kiến thức về kỹ năng hành chính; văn hóa, đạo đức công vụ; kỹ năng nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công cho cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt các quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm các quy định về công tác tổ chức, cán bộ. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện các giải pháp nâng cao thứ hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh.

Đồng thời, phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh An Giang, các sở, ngành và địa phương đẩy mạnh tuyên truyền ý nghĩa, tác động của cải cách hành chính gắn với các nội dung Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh. Đặc biệt, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; tham mưu xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là hành vi tiêu cực, những nhiễu trong thực thi công vụ và cung ứng các dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đơn đốc công bố, công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Đơn đốc sở, ban, ngành tỉnh An Giang nhập, đăng tải công khai thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố, công khai các khoản phí, lệ phí liên quan việc thực hiện các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”.

Ủy ban nhân dân TP. Long Xuyên cho biết, để nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2024, TP. Long Xuyên đã đề ra nhiều giải pháp, chỉ tiêu cần hoàn thành,

nhu: Tỷ lệ thanh toán trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 45%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 50%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 100%... Đồng thời, phát huy vai trò tổ công nghệ số tại cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp cách thức đăng ký, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến...

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp doanh nghiệp, nhà cung cấp gia tăng nhiều ứng dụng, dịch vụ trên môi trường Internet đến người dùng, kết nối Internet tại nhà, hỗ trợ điện thoại thông minh, máy tính bảng, giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin qua Internet, tạo tiền đề tốt hướng đến triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp thực hiện các giải pháp phòng ngừa, ứng phó phù hợp, kịp thời các vấn đề bức xúc, nhạy cảm và cấp bách về môi trường và đất đai trên địa bàn...

Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh là công cụ đánh giá mức độ cải thiện của các cấp chính quyền, phản ánh tiếng nói của người dân về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý Nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường vai trò, trách nhiệm trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, lấy người dân làm trung tâm phục vụ, nhất là ở cơ sở... góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch, liêm chính, kiến tạo, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ.

Nguồn: baoangiang.com.vn

CÀ MAU: HOÀN THÀNH 21/37 NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Qua 6 tháng đầu năm, tỉnh Cà Mau đã hoàn thành đúng và sớm hạn 21/37 nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính đề ra, đạt 56,76%; các nhiệm vụ còn lại đang thực hiện trong thời gian quy định. Đáng chú ý, tỉnh Cà Mau triển khai thực hiện nhiều giải pháp, sáng kiến để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện nhiều giải pháp, sáng kiến

Tỉnh đã thực hiện giải pháp tối ưu hóa công nghệ thông tin hỗ trợ quy trình giải quyết thủ tục hành chính thông qua hệ thống nhận diện hình ảnh và thông tin dữ liệu công dân tại bộ phận một cửa cấp huyện (từ tháng 4/2023) và cấp xã (từ tháng 8/2023). Từ khi triển khai thực đến nay, có gần 17 ngàn người dân, doanh nghiệp đến thực hiện thủ tục hành chính sử dụng hệ thống này.

Anh Lâm Quang Thái, chuyên viên Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, cho biết, khi người dân đến thực hiện thủ tục hành chính lần đầu tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã, sẽ tiến hành quét căn cước công dân, cho khuôn mặt vào hệ thống nhận dạng, hệ

thông sẽ tự động lấy thông tin của công dân để truyền tải dữ liệu thông tin đó vào Cổng dịch vụ công xác nhận, cho phép giao dịch và cho số thứ tự tương ứng với loại thủ tục hành chính giao dịch (hoặc quầy giao dịch). Khi người dân đến giao dịch các lần tiếp theo thì hệ thống sẽ tự động nhận dạng mà không cần phải xuất trình giấy tờ tùy thân hoặc khai báo thông tin.

Nhằm khắc phục tình trạng chậm, muộn, đi lại nhiều lần của người dân trong việc yêu cầu trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất để hoàn tất hồ sơ của một số thủ tục hành chính về đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành hướng dẫn quy trình thực hiện trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Theo đó, từ ngày 01/4/2024 triển khai việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất của tổ chức, cá nhân được thực hiện trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau. Đồng thời, thí điểm tiếp nhận hồ sơ nêu trên tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của TP. Cà Mau và các huyện: Cái Nước, Phú Tân, Năm Căn. Đến nay đã tiếp nhận 2.882 hồ sơ.

Từ đầu năm đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành 59 quyết định công bố 569 thủ tục hành chính, tất cả được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Số thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp là 1.940 thủ tục, trong đó cấp tỉnh là 1.487 thủ tục, cấp huyện là 299 thủ tục và cấp xã là 154 thủ tục (không tính thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan ngành dọc). Đồng thời, tỉnh đề xuất Thủ tướng Chính phủ đưa vào phương án cắt giảm thành phần hồ sơ đối với 7 thủ tục hành chính liên quan hoạt động kinh doanh.

Tỉnh Cà Mau là một trong những địa phương đầu tiên trên cả nước hoàn thành sớm việc kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an, để phục vụ chuyển đổi sang sử dụng VNeID làm tài khoản duy nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử kể từ ngày 01/7/2024. Tỉnh cũng đã hoàn thành kết nối, chia sẻ từ hệ thống dịch vụ công trực tuyến vận tải đường bộ của Bộ Giao thông vận tải với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau. Đồng thời, tiếp nhận nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

Chú trọng cải cách bộ máy công vụ

Tỉnh Cà Mau xác định cải cách công vụ, công chức là nội dung quan trọng, có vai trò quyết định sự thành công của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước với mục tiêu xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả.

Tỉnh Cà Mau đã hoàn thành đúng tiến độ về phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của tất cả các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn theo thời gian quy định của Bộ Nội vụ. Theo đó, số lượng công chức bố trí đúng theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt là 1.925/1.940 người, đạt 99,23%; số lượng viên chức được bố trí đúng theo đề án vị trí việc làm là 19.365/19.436 người, đạt 99,64% (kể cả viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ).

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tỉnh Cà Mau đã giảm 6 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2023 (giảm 121 đơn vị so với năm 2015). Đồng thời, tinh giản biên chế 61 công chức, viên chức (35 công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi; 26 công chức, viên chức thôi việc ngay); tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển đối với 15 trường hợp. Theo kế hoạch, năm 2024, tỉnh đào tạo sau đại học 50 cán bộ, công chức, viên chức; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm 23 lớp; bồi dưỡng thường xuyên cho công chức, viên chức quản lý lĩnh vực giáo dục 153 lớp.

Tổ Kiểm tra công vụ đã kiểm tra đột xuất đối với 13 đơn vị, nhằm nâng cao việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau; kết quả, chưa phát hiện cán bộ, công chức, viên chức vi phạm. Đồng thời, tiến hành khảo sát tại một số địa điểm ngoài trụ sở cơ quan, kết quả cho thấy, vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức chấp hành chưa nghiêm, chưa tốt về giờ giấc làm việc.

Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh Cà Mau có 118.142/148.554 hồ sơ được giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến, đạt 79,53%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 82,01%; thanh toán trực tuyến đạt 94,91%. Với kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trung bình đạt trên 96%.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Lê Văn Ngời cho biết: “Một trong những nhiệm vụ quan trọng là làm sao nâng tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Vì thế, phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả. Khó thì càng phải làm và làm quyết liệt mới tạo được chuyển biến tích cực. Tới đây, chúng tôi sẽ phối hợp xây dựng các clip ngắn hướng dẫn cụ thể cách thức, quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đăng phát trên cổng thông tin điện tử, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã, để người dân dễ biết, dễ hiểu, thực hiện và quen dần. Song song đó, tăng cường công tác kiểm tra đột xuất để kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm nhiều, gây phiền hà của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính”.

Nguồn: baocamau.vn

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Vấn đề đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam luôn được Đảng và Nhà nước coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên của công cuộc đổi mới đất nước. Kế thừa tinh thần của các kỳ Đại hội trước, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục đề ra nhiệm vụ: “Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch”(1). Cụ thể hóa nhiệm vụ rất quan trọng này, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đề ra mục tiêu: “Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch; bảo đảm Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội; phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương; cơ bản hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương”.

Bối cảnh và yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam

Qua gần 40 năm đổi mới, bộ máy nhà nước nói chung và bộ máy hành chính nhà nước nói riêng được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều đổi mới cả về cấu trúc tổ chức bộ máy cũng như phương thức hoạt động trong thực tiễn; góp phần đắc lực, trực tiếp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bối cảnh mới của đất nước, với sự phát triển năng động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, cũng như tăng cường mở cửa, hội nhập quốc tế và dưới sự tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra yêu cầu phải đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, trong đó có đổi mới phương thức hoạt động, như một tất yếu khách quan, một đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn.

Phát triển nền kinh tế thị trường gắn với xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước

Nền kinh tế thị trường nói chung, cũng như nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta được vận hành theo các quy luật vốn có của nó (quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh,...) có tác động trực tiếp đến phương thức hoạt động của cơ quan hành chính (kể cả cách thức tổ chức và quy chế hoạt động cũng như các phương pháp quản lý được sử dụng) với các yêu cầu về dân chủ, bình đẳng, tự do là những đặc tính vốn có của kinh

tế thị trường và lan tỏa trở thành yêu cầu chung của đời sống xã hội, đặt ra yêu cầu phải xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, hiệu quả, năng động, minh bạch, trong đó về phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước cần phải đổi mới mối quan hệ giữa chính quyền với doanh nghiệp theo hướng phục vụ, coi doanh nghiệp là khách hàng, vận dụng cơ chế cạnh tranh, coi trọng hiệu quả, kết quả đầu ra; phải coi trọng phương pháp kinh tế thay vì chỉ nhấn mạnh phương pháp hành chính, cưỡng chế trong việc tác động đến đối tượng quản lý (doanh nghiệp, người dân), phải đối xử bình đẳng với các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu;... Điều đó tác động trực tiếp đến việc đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước trên cơ sở vận dụng các phương pháp, cơ chế của thị trường như cạnh tranh, coi người dân, tổ chức là khách hàng, giảm chi phí, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài chính, ngân sách công, có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi...

Đi liền với phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chủ trương xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với mục tiêu: “Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân...; quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045” (2).

Nhà nước pháp quyền đòi hỏi phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước phải được thể chế hóa (luật hóa) đầy đủ, toàn diện, đồng bộ, cũng như các cơ quan và cán bộ, công chức của bộ máy nhà nước phải thực thi công vụ đúng pháp luật, đúng bản phận, trách nhiệm, phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, coi pháp luật là “tối thượng”. Nhà nước pháp quyền cũng đòi hỏi phải đổi mới, hoàn thiện các mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường và xã hội dựa trên cơ sở phân biệt rạch ròi vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng khu vực và mối quan hệ tác động qua lại giữa ba khu vực này trong đời sống xã hội của đất nước.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước

Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được chỉ ra trong Cương lĩnh chính trị của Đảng là: “1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực... 2. Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo” (3).

Điều đó đòi hỏi bộ máy hành chính nhà nước phải đổi mới phương thức hoạt động của mình phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phải đổi mới theo hướng đảm bảo cho Nhân dân tham gia tích cực vào các hoạt động quản trị quốc gia và thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của mình đối với hoạt động của bộ máy nhà nước; phải

công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, tôn trọng quyền công dân, quyền con người, phải đảm bảo điều kiện, biện pháp cụ thể, đồng bộ để người dân dễ tiếp cận, dễ đối thoại, dễ kiểm tra, giám sát; để huy động được trí tuệ, sáng kiến và sự đóng góp của người dân, để bộ máy thật sự gần dân, biết lắng nghe Nhân dân, biết biến ý chí, nguyện vọng của Nhân dân thành chủ trương, đường lối và luật pháp phục vụ lợi ích và hạnh phúc của Nhân dân;...

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển mạnh mẽ công nghệ số ngày càng tạo khả năng và đòi hỏi phải ứng dụng rộng rãi, sâu rộng công nghệ số trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, kể cả trong phương thức hoạt động của Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước. Công nghệ số giúp Chính phủ thúc đẩy một nền kinh tế mở, linh hoạt, dựa trên tri thức và kỹ năng, thúc đẩy thương mại, cải thiện hiệu quả của các hệ thống an sinh xã hội... Việc ứng dụng rộng rãi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây... trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công sẽ làm thay đổi đáng kể về cơ cấu tổ chức, biên chế nhân lực và phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Nhưng từ đó cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước nói chung và phương thức hoạt động của bộ máy nói riêng.

Quan điểm, giải pháp đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay

Quan điểm

Đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước phải đặt trong tổng thể xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch.

Đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước phải phù hợp với vai trò mới của Chính phủ và chính quyền địa phương trong điều kiện đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả.

Đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước phải đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, nhanh nhạy của nền hành chính nhà nước.

Đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước phải thu hút được sự tham gia rộng rãi của người dân và xã hội, đảm bảo công khai, minh bạch, thực hiện trách nhiệm giải trình.

Một số giải pháp

Hoàn thiện cơ chế kết hợp giữa chế độ làm việc tập thể của Chính phủ với đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng Chính phủ và từng thành viên Chính phủ.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Chính phủ hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng nhất, thông qua các kỳ họp Chính phủ. Đồng thời, pháp luật cũng quy định thẩm quyền riêng của người đứng đầu Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ) trong quyết định một số công việc nhất định; trong đó, thẩm quyền quyết định của tập thể Chính phủ rất nhiều, rất lớn đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước trong khi

thẩm quyền và trách nhiệm riêng của Thủ tướng Chính phủ khá hạn hẹp và còn khá chung(4), chủ yếu tập trung vào việc lãnh đạo công tác của Chính phủ và lãnh đạo, chịu trách nhiệm về hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Mặt khác, trong thực tế hoạt động của Chính phủ vẫn có những công việc còn chưa rõ ràng, rành mạch giữa thẩm quyền lãnh đạo của tập thể Chính phủ với thẩm quyền quản lý điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu Chính phủ, trên cơ sở xác định rành mạch, cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ (tập thể Chính phủ) và nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, theo đó: Thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể Chính phủ chủ yếu tập trung vào các công việc có liên quan đến xây dựng thể chế, hoạch định chính sách, cơ chế, chiến lược, quy hoạch... thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan hành pháp; Tăng thêm thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ trong quản lý, điều hành các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh đó, cần xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Chính phủ đối với các hoạt động của tập thể Chính phủ theo 02 mảng công việc: mảng công việc chung của Chính phủ và mảng công việc riêng của mỗi thành viên Chính phủ (công việc của Bộ, cơ quan ngang Bộ) nhằm khắc phục tình trạng các thành viên Chính phủ chủ yếu quan tâm đến mảng công việc của người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ hơn là quan tâm đến các công việc chung của Chính phủ. Liên quan đến vấn đề này, nên xác định rõ vị trí, vai trò của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách là chính khách, không sa vào các vấn đề quản lý điều hành cụ thể, thuộc trách nhiệm của các Thứ trưởng được phân công theo từng mảng nhiệm vụ.

Áp dụng thiết chế thủ trưởng hành chính thay vì thiết chế ủy ban trong các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Bên cạnh một số ưu điểm, thiết chế điều hành tập thể kiểu ủy ban chứa đựng nhiều bất hợp lý có thể kể đến như: Làm chậm trễ các quyết định hành chính vì phải chờ các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Ủy ban nhân dân, do đó làm hạn chế tính kịp thời, nhanh nhạy, thông suốt trong quản lý, điều hành các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân ở nước ta hiện nay rất rộng, gồm tất cả người đứng đầu các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân trong đó không phải mọi thành viên đều am hiểu tường tận đầy đủ các lĩnh vực kinh tế - xã hội của địa phương nên việc biểu quyết tập thể các công việc của Ủy ban nhân dân mang nhiều tính hình thức, chủ yếu dựa trên ý chí và sự chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;...

Để khắc phục những hạn chế, bất hợp lý của thiết chế ủy ban, cần nghiên cứu áp dụng chế độ thủ trưởng hành chính trong tổ chức, hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Theo đó, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương gồm có người đứng đầu (Tỉnh trưởng, Huyện trưởng, Xã trưởng, Thị trưởng), một số cấp phó của người đứng đầu và các cơ quan chuyên môn của người đứng đầu. Theo chế độ thủ trưởng hành chính, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và

trước người dân địa phương về các quyết định của mình trong quản lý, điều hành, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương.

Việc áp dụng thiết chế thủ trưởng hành chính thường đi liền với nguy cơ dẫn đến tình trạng quan liêu, độc đoán, tùy tiện của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và cần phải được khắc phục bởi cơ chế kiểm soát hữu hiệu của cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và của người dân địa phương. Vấn đề ở chỗ là cần phải đổi mới, hoàn thiện và cụ thể hóa cơ chế kiểm tra, kiểm soát của các thiết chế này một cách thực chất, có hiệu lực, hiệu quả.

Hoàn thiện mối quan hệ giữa chỉ đạo, điều hành, phối hợp giữa các cấp, các cơ quan, tổ chức trong bộ máy hành chính nhà nước.

Để đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, nhanh nhạy, hiệu quả trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, cần phải thiết lập được cơ chế vận hành, mối quan hệ ngang, dọc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong bộ máy hành chính nhà nước một cách hợp lý, ăn khớp, đồng bộ, nhịp nhàng. Trong đó, cần tiếp tục hoàn thiện các mối quan hệ:

Một là, quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước cấp trên và cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới.

Xác định đúng mối quan hệ giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ: Cần phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; theo đó, cần xác định Bộ, cơ quan ngang Bộ là một thiết chế độc lập, hoạt động theo pháp luật, có chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc mà không phải là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực như trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp trước đây. Trên cơ sở đó, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải có vai trò như là “tư lệnh” ngành, có đủ thẩm quyền và trách nhiệm cần thiết trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thay vì chủ yếu là báo cáo, xin ý kiến Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, từ đó khắc phục được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong xử lý công việc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ lên Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đổi mới mối quan hệ giữa Chính phủ và các thành viên Chính phủ với chính quyền địa phương, theo đó: 1) Cần phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách là thành viên Chính phủ, đứng đầu hành chính đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Với vai trò này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là cấp trên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có vai trò lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ của quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cần khắc phục nhận thức coi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chỉ là người phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quan hệ ngang; chính quyền địa phương chỉ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng và Phó thủ tướng Chính phủ. Từ đó chính quyền địa phương thường muốn trực tiếp báo cáo, xin ý kiến, chờ đợi sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính

phủ thay vì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, mặc dù đây chỉ là những vấn đề thuộc phạm vi của ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội. 2) Trong mối quan hệ giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước, cần phân cấp, phân quyền rành mạch, cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân mỗi cấp theo nguyên tắc: những việc đã phân cấp, phân quyền cho cấp dưới thì cấp trên chỉ hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới, không chỉ đạo, điều hành cấp dưới trong xử lý công việc. Nói cách khác, phải đảm bảo nguyên tắc “công việc của cấp nào do cấp đó thực hiện”.

Hai là, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong bộ máy hành chính nhà nước.

Để khắc phục tình trạng hình thức, kém hiệu quả trong mối quan hệ phối hợp ngang giữa các bộ, ngành, giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, cần thiết phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế phối hợp ngang theo hướng rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan/tổ chức chủ trì và cơ quan/tổ chức phối hợp, cũng như phải xác định cụ thể phương pháp, cách thức, quy trình, thủ tục thực hiện phối hợp, theo hướng rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ địa chỉ của tổ chức, cá nhân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng hoạt động trong quản lý nhà nước (xây dựng thể chế, chính sách, tổ chức thực hiện, kiểm tra, kiểm soát) và trong cung ứng dịch vụ công (hành chính công, sự nghiệp công, công ích).

Ba là, đổi mới chế độ hội họp của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp họp định kỳ tháng một lần, trong khi các công việc quản lý, điều hành hành chính nhà nước đòi hỏi Chính phủ, Ủy ban nhân dân phải giải quyết thường xuyên, hàng ngày, phải phản ứng nhanh nhạy, kịp thời các yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Để khắc phục được bất hợp lý đó cần phải đổi mới chế độ hội họp của Chính phủ và Ủy ban nhân dân theo hướng tăng thêm số lượng các phiên họp định kỳ, hoặc không quy định cụ thể mà tùy thuộc vào yêu cầu công việc khi cần thiết, do Thủ tướng Chính phủ quyết định triệu tập họp. Bên cạnh đó, cần nâng cao chất lượng chuẩn bị nội dung kỳ họp (nhất là các đề xuất xây dựng chính sách, chuẩn bị dự án và các nội dung khác đưa ra phiên họp) thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành, sở, phòng chuyên môn, trước khi trình ra Chính phủ, Ủy ban nhân dân. Mặt khác, nên có quy định về mở rộng thành phần phiên họp với các đối tượng có liên quan không phải là thành viên Chính phủ, Ủy ban nhân dân, khi cần thiết, để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của các phiên họp Chính phủ, Ủy ban nhân dân.

Bốn là, đổi mới mối quan hệ giữa Chính phủ với Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giữa Ủy ban nhân dân với Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp.

Xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa Chính phủ và Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong công tác xây dựng luật, pháp lệnh; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng với các cơ quan của Quốc hội trong việc xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh. Mục tiêu của cơ chế phối hợp này nhằm trao đổi, phối hợp chỉ đạo cho ý kiến về những vấn đề lớn, phức tạp, nhạy cảm, kịp thời tháo gỡ những khó

khẩn, vướng mắc, thúc đẩy tiến độ, định hướng chính lý các dự án luật, pháp lệnh. Tạo sự đồng thuận giữa Chính phủ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giữa các cơ quan của Chính phủ với các cơ quan của Quốc hội trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua, trong đó có việc xây dựng và thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân các cấp trong việc xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến việc triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và giải quyết các kiến nghị của cử tri, của người dân, doanh nghiệp và tổ chức xã hội trên địa bàn.

Đổi mới, tăng cường và đưa mối quan hệ phối hợp giữa Chính phủ với các cơ quan nhà nước ở trung ương đi vào trật tự, nề nếp, thông qua việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Chính phủ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong hoạt động lập pháp.

Xây dựng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và người dân.

Trong nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, với đặc trưng đa chủ thể, cả nhà nước và các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, trong đó Nhà nước đóng vai trò là trung tâm điều hoà, phối hợp các hoạt động của quản trị quốc gia. Điều đó đòi hỏi các cơ quan hành chính nhà nước phải thiết lập được cơ chế phối hợp, mối quan hệ đối tác, bình đẳng, chặt chẽ, thường xuyên với các chủ thể của thị trường và của xã hội trong các hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện. Đây là điểm khác biệt chủ yếu giữa quản trị quốc gia hiện đại với quản trị quốc gia truyền thống (quản lý nhà nước), trong đó Nhà nước là chủ thể duy nhất của quản lý nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước là hoạt động riêng có của bộ máy nhà nước.

Mặt khác, cần tiếp tục hoàn thiện mối quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước các cấp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm của mỗi tổ chức/cơ quan, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, “tranh công, đổ lỗi” giữa các tổ chức/cơ quan thuộc hệ thống chính trị các cấp. Trong đó, một vấn đề đặc biệt quan trọng ở đây là cần minh định rõ chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy đảng với của cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp đúng với vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của bộ máy hành chính nhà nước.

Tăng cường công khai, minh bạch và thực hiện trách nhiệm giải trình trong hoạt động của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Mở rộng các hình thức công khai minh bạch, sao cho tất cả người dân và tổ chức có nhu cầu quan tâm đến một hoạt động, công việc nào đó của Chính phủ đều có cơ hội được tiếp cận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, thuận lợi các thông tin cần thiết. Thiết lập mạng lưới truyền thông công cộng rộng khắp và hiện đại với các chức năng chính như: phổ biến những thông tin tin cậy cho người dân; xây dựng lòng tin giữa Chính phủ, chính quyền địa phương và người dân thông qua sự cởi mở và trung thực trong hoạt động trao đổi thông tin; thường xuyên theo dõi, lắng nghe, thấu hiểu ý kiến của người dân. Đồng thời, hoàn thiện cơ sở pháp lý về quyền tiếp cận thông tin của người dân, tổ chức.

Bên cạnh việc đảm bảo công khai, minh bạch, cần thực hiện có hiệu quả trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước. Để tăng cường và nâng cao chất lượng thực hiện giải trình của Chính phủ và chính quyền địa phương cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế ràng buộc đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình trước cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương, trước các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và trước người dân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; ...

Đổi mới thể chế phân cấp, phân quyền giữa trung ương - địa phương. Tiếp tục đổi mới phân cấp, phân quyền về quản lý nhà nước theo hướng: phân cấp, phân quyền nhiều hơn, rộng hơn cho chính quyền địa phương trong xây dựng quyết định chiến lược, quy hoạch phát triển địa phương, các chính sách, cơ chế cụ thể phát triển kinh tế - xã hội, trong quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội mà chính quyền địa phương có khả năng, điều kiện thực hiện được một cách có hiệu quả, kể cả trong hai lĩnh vực tài chính - ngân sách và tổ chức bộ máy - cán bộ, công chức.

Đồng thời, nên nghiên cứu để tiến tới thực hiện phân cấp, phân quyền về thể chế giữa trung ương và địa phương, theo hướng chính quyền địa phương (cấp tỉnh) được quyết định một số cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, trong chừng mực không trái với thể chế, chính sách chung của Nhà nước. Phân quyền về thể chế là xu hướng chung của thế giới hiện đại, phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, gắn với việc xây dựng chính quyền địa phương tự quản.

Đa dạng hóa cơ chế phân cấp, phân quyền phù hợp với đặc điểm, tính chất, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Đổi mới thể chế phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương không chỉ đơn giản là tăng cường chuyển giao nhiều hơn các công việc từ Chính phủ trung ương xuống cho chính quyền địa phương, mà quan trọng là phải tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất của từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; đặc điểm, điều kiện của từng địa phương và của từng cấp chính quyền, cấp hành chính, phù hợp với đô thị và nông thôn, với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương...

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Việc ứng dụng công nghệ số có ý nghĩa quan trọng, tác động mạnh mẽ, trực tiếp đến việc đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, để ứng dụng rộng rãi công nghệ số trong cơ quan hành chính nhà nước, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Xây dựng Chính phủ số, chính quyền số, tập trung vào việc chuyển đổi quy trình nội bộ và chuyển đổi mối quan hệ tương tác giữa các cấp, các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước và các chủ thể khác trong xã hội trên cơ sở ứng dụng công nghệ số; xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, trên cơ sở ứng dụng rộng rãi công nghệ số (xây dựng nền công vụ số); nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (xây dựng đội ngũ công chức số);...

Nâng cao năng lực, phẩm chất, trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Bối cảnh mới của đất nước, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt

động thực thi công vụ phải đúng thẩm quyền, đúng trách nhiệm, đúng pháp luật, có hiệu lực, hiệu quả. Mặt khác, còn đòi hỏi cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ phải tôn trọng và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước và của nhân dân, tôn trọng quyền công dân và quyền con người. Để thực hiện được yêu cầu đó, đòi hỏi cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính nhà nước phải có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ và kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết đáp ứng đúng yêu cầu khung năng lực của từng vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, bộ phận trong bộ máy hành chính nhà nước. Năng lực của cán bộ, công chức, viên chức không chỉ dựa trên trình độ bằng cấp đào tạo, bồi dưỡng qua trường, lớp mà còn phải và chủ yếu là quá trình rèn luyện, trau dồi, tích lũy kinh nghiệm từ thực tiễn công tác. Do vậy, mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình công tác, cũng như phải thực sự cầu thị, sẵn sàng học hỏi, tiếp thu những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm mới, hiện đại để có thể nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ trong môi trường có nhiều thay đổi như hiện nay.

TS. Lê Anh Tuấn, Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ
Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, H.2021, tr.176.

(2) Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, 2011, Hà Nội, tr.84-85.

(4) Điều 28, 29 Luật Tổ chức Chính phủ, 2015.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

2. Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

3. Quốc hội (2013), Hiến pháp, Hà Nội.

4. Quốc hội (2015), Luật Tổ chức Chính phủ.

5. Quốc hội (2015), Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

6. TS. Lê Anh Tuấn (2023), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài “Phương thức hoạt động của tổ chức bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Bộ Nội vụ.

7. Kỷ yếu Hội thảo “Cơ sở khoa học đổi mới phương thức hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam”, Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ, ngày 11/8/2023.

TĂNG LƯƠNG CƠ SỞ: BƯỚC ĐIỀU CHỈNH PHÙ HỢP

Cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW là vấn đề rất toàn diện liên quan trực tiếp đến kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và hàng triệu người thụ hưởng chính sách. Do đó, tăng lương cơ sở bắt đầu từ ngày 01/7/2024 là bước đệm phù hợp cho lộ trình cải cách tiếp theo...

Theo tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ về cải cách chính sách tiền lương: Phải thiết kế, xây dựng thang bảng lương mới gồm lương cơ bản chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương và các khoản phụ cấp, chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương. Đồng thời, bổ sung tiền thưởng, quỹ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm, không bao gồm phụ cấp. Một trong các yếu tố để thiết kế bảng lương mới là bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương hiện nay.

Đây là một vấn đề rất lớn nên dù Chính phủ đã tích cực chuẩn bị thực hiện, nhưng khi áp dụng vào thực tế vẫn còn quá nhiều vướng mắc chưa thể giải quyết, nên Chính phủ đã đề xuất phương án tăng lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng bắt đầu từ ngày 01/7/2024.

Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, để triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách tiền lương, Chính phủ đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng, thận trọng, bài bản và coi đây là một vấn đề khoa học gắn với thực tế. Vì thế, cần phải có những đánh giá chắc chắn, nhiều chiều những tác động liên quan khi cải cách tiền lương.

Nỗ lực đưa Nghị quyết số 27-NQ/TW vào thực tiễn

Thực tế trong thời gian qua, Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, Thủ tướng Chính phủ và Thường trực Chính phủ đã làm việc rất quyết liệt, thận trọng, chắc chắn, đồng bộ và xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng, mọi mặt về triển khai cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và các nghị quyết liên quan.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết Chính phủ đã tổ chức tới 21 cuộc họp thảo luận về các nội dung cải cách tiền lương để tìm ra phương án tối ưu nhất, khả thi và hiệu quả cao nhất.

Bàn về chính sách tiền lương mới hầu hết các ý kiến đều thấy rằng chính sách phải bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế, bất cập của chính sách tiền lương cũ; đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động và các quy luật của kinh tế thị trường; lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cần phải có những đánh giá chắc chắn, nhiều chiều những tác động liên quan khi cải cách tiền lương. Thực tế trong thời gian qua, Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, Thủ tướng Chính phủ và Thường trực Chính phủ đã làm việc rất quyết liệt, thận trọng, chắc chắn, đồng bộ và xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng, mọi mặt về triển khai cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Như vậy, chính sách tiền lương mới liên quan chặt chẽ đến các thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính, tinh giản biên chế khi đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, hệ thống tổ chức và quản lý... do Nhà nước trả lương, trợ cấp xã hội. Chính sách cải cách tiền lương này còn tác động trực tiếp đến khoảng 18 triệu người hưởng bảo hiểm xã hội; 50 triệu người do ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế; gần 16 triệu học sinh, sinh viên và 30 triệu người liên quan chính sách hỗ trợ từ Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh...

Đó cũng là một trong những lý do cần phải nghiên cứu thận trọng, kỹ lưỡng, thấu đáo, toàn diện để đảm bảo lợi ích cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Hơn nữa, cũng cần nhìn nhận vào thực tế chính sách tiền lương trong khoảng 20 năm qua, từ năm 2004 đến năm 2023 để thấy rõ tính tổng thể trong chính sách tiền lương. Trong khoảng thời gian này chúng ta đã 14 lần tăng lương cơ sở, từ mức 290.000 đồng (từ ngày 01/10/2004) lên 1,8 triệu đồng (từ ngày 01/7/2023 đến nay). Riêng trong ba năm, từ năm 2020 đến năm 2022, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên mức lương cơ sở không thay đổi với 1,49 triệu đồng.

Do đó, đời sống của người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách Nhà nước gặp nhiều khó khăn, tình trạng cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc hoặc chuyển việc từ khu vực công sang khu vực tư gia tăng.

Nhìn lại 14 lần tăng mức lương cơ sở đã cho thấy nỗ lực của Chính phủ nhằm hướng đến mục tiêu: Lương sẽ là thu nhập chính, đảm bảo đời sống của người hưởng lương. Việc tăng mức lương cơ sở đưa mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo cũng tăng lên.

Trước tình hình chung đó, việc đưa ra chính sách mới vừa đảm bảo các yêu cầu chặt chẽ của Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách tiền lương, vừa bảo đảm sự cân đối, hài hòa giữa các đối tượng hưởng lương và trợ cấp; bảo đảm các chính sách an sinh xã hội cho Nhân dân trong quá trình phát triển là rất khó.

Tinh thần của các Nghị quyết của Trung ương đều chỉ rõ, nếu đủ điều kiện thực hiện cái mới thì triển khai ngay, những vấn đề còn khó khăn, bất cập thì tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dần, không cầu toàn, không nóng vội. Cho nên, phương án tăng mức lương cơ sở lần này cho thấy là bước đệm tạo được sự đồng thuận xã hội, không gây xáo trộn lớn và phức tạp thêm tình hình.

Ba bất cập cơ bản khi thực hiện lương mới

Nghị quyết số 27-NQ/TW nêu rõ cải cách tiền lương là công việc lớn, cần nhiều thời gian, công sức. Mong muốn của Đảng trong vấn đề cải cách tiền lương là phải toàn diện, đến năm 2025, tiền lương thấp nhất của cán bộ, công chức, viên chức cao hơn mức lương thấp nhất bình quân các vùng của khu vực doanh nghiệp.

Đến năm 2030, tiền lương thấp nhất của cán bộ, công chức, viên chức bằng hoặc cao hơn mức lương thấp nhất của vùng cao nhất của khu vực doanh nghiệp.

Việc tăng lương lần này là giải pháp khả thi nhất, tốt nhất trong tình hình hiện nay, bởi nó tác động tích cực đến nhiều nhóm đối tượng trong xã hội, tạo hiệu ứng tốt và rất lớn trong các tầng lớp nhân dân, nhất là các đối tượng được thụ hưởng chính sách.

Mấu chốt của lương mới sau cải cách là không còn mức lương cơ sở và hệ số lương phức tạp như hiện nay, xây dựng mức lương cơ bản bằng số tiền cụ thể trong các bảng lương mới. Như vậy, chúng ta phải xây dựng, ban hành hệ thống năm bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo để thay thế hệ thống bảng lương hiện hành. Khi chuyển từ lương cũ sang lương mới, bảo đảm không thấp hơn tiền lương hiện hưởng.

Với yêu cầu như vậy nên khi thiết kế năm bảng lương chức vụ, chức danh lãnh đạo, bảng lương chuyên môn nghiệp vụ chung cho cán bộ, công chức, viên chức và ba bảng lương của lực lượng vũ trang đã xuất hiện ba vấn đề chưa thể khắc phục.

Thứ nhất, tính hợp lý về tương quan tiền lương mới giữa các đối tượng hưởng lương. Cụ thể, nếu căn cứ vào Nghị quyết số 27-NQ/TW phải đưa mức phụ cấp công vụ vào mức lương cơ bản thì dẫn đến sự tăng lương của công chức, viên chức, lực lượng vũ trang rất khác nhau, mức tăng lương bình quân theo thứ tự là 23,5%, 54,3%, 43,96%.

Đồng thời, tổng quỹ lương (lương cơ bản, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương) của các đối tượng trên cũng tăng, cho thấy tương quan chung giữa các đối tượng hưởng lương chưa bảo đảm, dẫn đến thiếu công bằng, chưa hợp lý trong các bảng lương mới.

Ngoài ra, mức tăng lương trong khu vực công tính cho mức lương thấp nhất của các đối tượng trên cũng chênh nhau khá lớn nếu so với vùng I khu vực doanh nghiệp. Bên cạnh đó, khi áp dụng lương vào các chức vụ, chức danh, thứ bậc trong hệ thống chính trị với khoảng 234 chức danh gốc (theo Kết luận số 35-KL/TW của Bộ Chính trị) thì còn phát sinh nhiều chức vụ tương đương khác từ cấp xã đến Trung ương. Điều này cũng gây ra nhiều khó khăn cho việc xây dựng thang bảng lương.

Thứ hai, hiện có rất nhiều chế độ, chính sách gắn với mức lương cơ sở được quy định trong các văn bản của Đảng và của pháp luật, nên cần phải sửa đổi rất nhiều các quy định của Đảng và của pháp luật về các chính sách, chế độ gắn với mức lương cơ sở. Ít nhất cũng cần sửa đổi hai văn bản của Đảng, 10 luật, 2 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 8 nghị định của Chính phủ và 3 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, chưa kể các thông tư, nghị quyết của các địa phương...

Nếu bãi bỏ mức lương cơ sở mà chưa kịp thời sửa đổi các văn bản này sẽ dẫn đến rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các chính sách liên quan.

Thứ ba, phát sinh chênh lệch lương hưu giữa người nghỉ hưu trước và từ ngày 01/7/2024. Khi bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương, mở rộng quan hệ tiền lương lên 1 - 2,68 - 12 (theo Nghị quyết số 27-NQ/TW) dẫn đến có nhiều thay đổi về mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, cách tính lương hưu của người hưởng lương khu vực công, phát sinh chênh lệch lương hưu giữa thời điểm nghỉ hưu trước và từ ngày 01/7/2024 cần phải có giải pháp xử lý (khi sửa Luật Bảo hiểm xã hội) để đảm bảo tương quan giữa những người nghỉ hưu. Ngoài ra, còn có các bất cập về chế độ phụ cấp khi đưa vào bảng lương mới.

Phương án tối ưu, khả thi nhất

Một vấn đề khác rất quan trọng trước khi thực hiện cải cách tiền lương đó là phải tinh gọn bộ máy, biên chế. Trong đó, xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm là giải pháp căn bản mang tính tiên đề để thực hiện cải cách tiền lương.

Về việc này, cơ bản các Bộ, ngành, địa phương đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm nhưng còn nặng về hình thức, chưa bảo đảm chất lượng. Do đó, Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế chưa trình Bộ Chính trị thông qua hệ thống Danh mục vị trí việc làm.

Do các vướng mắc kể trên, nếu cứ áp dụng tiền lương theo vị trí việc làm ngay, có thể sẽ có những người không được nâng lương, hoặc so sánh với nhau sẽ không còn tương quan rất khó giải thích, từ đó tạo nên tâm lý không tốt, ảnh hưởng đến công việc.

Vì vậy, Chính phủ đề xuất và Bộ Chính trị nhất trí trong thời gian chưa đủ điều kiện bãi bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương, Chính phủ báo cáo Quốc hội cho phép thực hiện giải pháp tăng lương khu vực công từ ngày 01/7/2024 với mức tăng lương cơ sở thêm 30%, tức là từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng, là mức tăng cao nhất từ trước đến nay, coi đây là một bước đi để điều chỉnh tiền lương cho cán bộ viên chức và người lao động sau này. Việc tăng lương lần này nhằm bảo đảm ai cũng được tăng lương; đồng thời, mức này cũng tương ứng với mức tăng khi thực hiện cải cách tiền lương.

Ngoài ra, trong thời gian chưa đủ điều kiện thực hiện 9 loại phụ cấp mới, Chính phủ đề xuất tiếp tục thực hiện các loại phụ cấp hiện hành; đồng thời, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp và một số chế độ đặc thù của lực lượng vũ trang và của cán bộ, công chức, viên chức một số chuyên ngành (đặc biệt là phụ cấp theo nghề) mà trong quá trình thực hiện vừa qua có phát sinh bất hợp lý.

Điều kiện tiên quyết trong việc trả lương là cần xác định rõ vị trí việc làm và định biên cho các tổ chức, cơ quan của hệ thống Nhà nước, hệ thống chính trị, từ đó xác định tương quan mức lương của từng vị trí giữa khu vực công và khu vực doanh nghiệp.

Các khoản phụ cấp khác sẽ hỗ trợ bổ sung cho từng vị trí sẽ điều chỉnh cho sự mất tương quan. Còn các chế độ đang hưởng theo mức lương cơ sở có thể tính toán lại để hưởng theo một mức lương bình quân mới (sẽ được quy định).

Theo Bộ Nội vụ, việc tăng lương lần này là giải pháp khả thi nhất, tốt nhất trong tình hình hiện nay, bởi nó tác động tích cực đến nhiều nhóm đối tượng trong xã hội, tạo hiệu ứng tốt và rất lớn trong các tầng lớp nhân dân, nhất là các đối tượng được thụ hưởng chính sách.

Đồng thời, bảo đảm được tương quan cân đối hài hòa, công bằng, bình đẳng giữa các đối tượng hưởng lương, trợ cấp và chính sách liên quan đến mức lương cơ sở, tạo được sự thống nhất đồng thuận chung trong xã hội.

Nguồn: vneconomy.vn

PHƯƠNG THUỐC TRỊ CÁN BỘ NÉ TRÁCH NHIỆM

Phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thẳng thắn chỉ rõ, một bộ phận cán bộ sợ trách nhiệm, sợ sai, đùn đẩy, né tránh giải quyết công việc thuộc thẩm quyền.

Tình trạng cán bộ, đảng viên sợ sai, sợ trách nhiệm, né việc, chọn việc dễ, bỏ việc khó để được an toàn khiến các mặt công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương không đạt hiệu quả, tiến độ, gây ra sự trì trệ, hệ lụy khôn lường.

Điều dễ nhận thấy là tình trạng một số cơ quan, đơn vị, địa phương chậm chạp, ỉ ạch trong giải ngân vốn đầu tư công do cán bộ đùn đẩy trách nhiệm, khiến nhiều công trình, dự án không hoàn thành đúng tiến độ, cho dù Thủ tướng Chính phủ nhiều lần đôn đốc, nhưng mức độ chuyển biến còn chậm.

Tình trạng sợ trách nhiệm, né trách nhiệm tại các cơ quan công quyền đã có từ lâu, với mức độ khác nhau. Biểu hiện của căn bệnh này rất đa dạng, nhưng rõ nhất là tình trạng cán bộ không dám đưa ra quyết sách, chính kiến, không dám đảm nhận việc khó. Ở mức cao hơn, đó là làm sai nhưng không đứng ra nhận trách nhiệm, đổ lỗi cho khách quan, cho hoàn cảnh, đùn đẩy trách nhiệm cho đơn vị khác, cho người khác.

Căn bệnh sợ trách nhiệm, né trách nhiệm có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân gián tiếp. Đấu tranh ngăn chặn căn bệnh này cần có phương thuốc đặc trị.

Theo các chuyên gia, cơ chế phối hợp trong công tác ở lĩnh vực công chưa cụ thể, rõ ràng... là một trong những căn nguyên khó truy trách nhiệm, “đề” ra tình trạng cán bộ sợ trách nhiệm, né trách nhiệm. Bên cạnh đó, việc đánh giá cán bộ theo cảm tính, theo mối quan hệ “thân thuộc” với cán bộ chủ trì hay tình trạng nể nang, né tránh khi đánh giá, nhận xét cán bộ cấp trên... chính là “chiếc ô” để cán bộ “né”, “đá” trách nhiệm.

Bởi thực tế cho thấy, nhiều người có tâm lý: “Đẹp phô ra, xấu xa đậy lại”. Họ thích gài gữ cấp trên để vuốt ve, bợ đỡ rồi được cấp trên chỉ bảo, dìu dắt, tiến thân. Thực tế cũng cho thấy, không phải cán bộ nào cũng đủ bản lĩnh “nhận trách nhiệm về những việc làm sai” trước cấp trên, trước tập thể, bởi nếu làm như vậy chẳng khác nào “vạch áo cho người xem lưng”, để thiên hạ nhìn thấy rõ sự yếu kém của mình. Điều ấy dễ khiến con đường thăng tiến của họ bị đứt gãy, dễ mất ghế, mất quyền, mất bổng lộc.

Để triệt tiêu thói dựa dẫm, ỷ lại và thiếu trách nhiệm, né trách nhiệm; trước tiên, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần căn cứ vào Quy chế làm việc của Chính phủ được ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022, đặc biệt là căn cứ vào quy chế làm việc của cấp ủy tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị và thực tế công việc để phân công, theo đúng phương châm “5 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm và rõ hiệu quả). Khi đã giao việc, các cán bộ phụ trách phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kiên quyết chỉ ra những yếu kém trong tổ chức, phối hợp thực hiện giữa các bộ phận, các thành phần. Kịp thời phát

hiện và kiên quyết xử lý những trường hợp chậm tham gia ý kiến hoặc tham gia ý kiến nhưng không có chính kiến, quan điểm rõ ràng, kéo dài thời gian xử lý, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả công việc.

Trong quá trình công tác, cấp ủy, cán bộ chủ trì, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương cần thường xuyên phát hiện sự chòng chẹo, điềm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, đặc biệt là sự ách tắc trong công tác phối hợp để tháo gỡ. Đồng thời, cấp ủy, người chủ trì cũng cần phát hiện ra những cán bộ, công chức có tư tưởng, hành vi cản trở, gây khó khăn, chây ì trong công tác. Cùng với đó là phát hiện những cá nhân tích cực, nhân tố mới có năng lực để sử dụng.

Một trong những giải pháp căn cơ đó là phải phân loại, đánh giá cán bộ, đảng viên sát thực bằng chất lượng, hiệu quả công việc. Muốn vậy, đội ngũ cán bộ chủ trì cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Từ khi đi vào thực tiễn, Quy định số 89-QĐ/TW đã phân nào chấm dứt một số bệnh trầm kha như: Bệnh thành tích, bệnh đổ lỗi...

Đặc biệt, để ngăn chặn tình trạng né trách nhiệm, không dám chịu trách nhiệm, mới đây, ngày 23/5/2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 148-QĐ/TW về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Khoản 2 Điều 4 Chương II của Quy định số 148-QĐ/TW chỉ rõ, cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao là căn cứ để tạm đình chỉ công tác. Thủ tục tạm đình chỉ công tác được tiến hành nhanh chóng. Nếu có đủ căn cứ xác định cán bộ, công chức đùn đẩy, né tránh trách nhiệm thì chậm nhất sau 2 ngày làm việc, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Như vậy, chế tài mới cho phép người đứng đầu mạnh tay với những kẻ “sáng cấp ô đi, tối cấp ô về” với tư tưởng “cầu an, hưởng lợi” hay “ngồi im để an toàn”. Và đây cũng là cơ sở quan trọng để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hiệu quả hơn nữa Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Suy cho cùng, tình trạng cán bộ sợ trách nhiệm, né tránh nhiệm vụ đều xuất phát từ công tác cán bộ yếu kém. Nếu công tác này được các cấp ủy Đảng làm tốt thì sẽ đánh giá, chọn lựa được những cán bộ tài đức, có năng lực, có tâm ý cống hiến, sáng tạo trong công tác. Cùng với đó cần kiên quyết xử lý những trường hợp không chấp hành sự phân công hoặc lợi dụng việc thực hiện đề xuất để né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao để bộ máy thực sự trong sạch, vững mạnh..

Nguồn: hanoimoi.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BỘ, NGÀNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

* Chính phủ ban hành một số quy định mới về tiền lương. Cụ thể:

- Ngày 30/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, từ ngày 01/7/2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

Nghị định này quy định mức lương cơ sở áp dụng đối với người hưởng lương, phụ cấp và chế độ tiền thưởng áp dụng đối với người hưởng lương làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện), ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang.

Nghị định nêu rõ, người hưởng lương, phụ cấp áp dụng mức lương cơ sở quy định tại Nghị định này, bao gồm: 1. Cán bộ, công chức từ trung ương đến cấp huyện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019. 2. Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019. 3. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Luật Viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019. 4. Người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP. 5. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế tại các hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ). 6. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam. 7. Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng thuộc Công an nhân dân. 8. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu. 9. Hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; hạ sĩ quan và chiến sĩ nghĩa vụ thuộc Công an nhân dân. 10. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố.

Mức lương cơ sở dùng làm căn cứ: Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này; Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật; Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở trung ương: Thực hiện bảo lưu phần chênh lệch giữa tiền lương và thu nhập tăng thêm tháng 6 năm 2024 của cán bộ, công chức, viên chức với tiền lương từ ngày 01/7/2024 sau khi sửa

đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù. Trong thời gian chưa sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ chế này thì thực hiện mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6 năm 2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc). Trường hợp tính theo nguyên tắc trên, nếu mức tiền lương và thu nhập tăng thêm từ ngày 01/7/2024 theo cơ chế đặc thù thấp hơn mức tiền lương theo quy định chung thì thực hiện chế độ tiền lương theo quy định chung.

Nghị định nêu rõ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương: 1. Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao. 2. Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. 3. Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

2. Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

3. Sử dụng 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể: thu tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước).

4. Sử dụng 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 thực hiện so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể: thu tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định;

thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước).

5. Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

6. Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

Nghị định nêu rõ, ngân sách trung ương bổ sung nguồn kinh phí còn thiếu do điều chỉnh mức lương cơ sở và thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi đã thực hiện các quy định nêu trên.

Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 do đơn vị tự đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (nếu có).

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

- Ngày 30/6/2024 Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 75/2024/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Nghị định này điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/7/2024, bao gồm:

Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An sang bảo hiểm xã hội tự nguyện); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP của Chính phủ.

Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 206-CP ngày 30/5/1979 của Hội đồng Chính phủ.

Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.

Người đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng trước ngày 01/01/1995.

Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 2 Nghị định này nghỉ hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/01/1995 (bao gồm những người đã nghỉ hưởng trợ cấp mất sức lao động trước ngày 01/01/1995, sau đó được tiếp tục hưởng trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ), sau khi thực hiện điều chỉnh theo quy định có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng dưới 3.500.000 đồng/tháng.

Nghị định nêu rõ, từ ngày 01/7/2024, điều chỉnh tăng thêm 15% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2024 đối với các đối tượng nêu trên.

Từ ngày 01/7/2024, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, sau khi điều chỉnh tăng thêm 15% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2024, có mức hưởng thấp hơn 3.500.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau: Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 3.200.000 đồng/người/tháng; tăng lên bằng 3.500.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 3.200.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.500.000 đồng/người/tháng.

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng ở những lần điều chỉnh tiếp theo.

Nghị định số 75/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024. Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định 75/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

*** Ngày 30/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 74/2024/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.**

Theo Nghị định này, mức lương tối thiểu theo các vùng từ ngày 01/7/2024 như sau:

Mức lương tối thiểu tháng tại 4 vùng: Vùng I: 4.960.000 đồng/tháng; Vùng II: 4.410.000 đồng/tháng; Vùng III: 3.860 đồng/tháng; Vùng IV: 3.450.000 đồng/tháng.

Mức lương tối thiểu theo giờ tại 4 vùng: Vùng I: 23.800 đồng/giờ; Vùng II: 21.200 đồng/giờ; Vùng III: 18.600 đồng/giờ; Vùng IV: 16.600 đồng/giờ.

Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần hoặc theo ngày hoặc theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ. Mức lương quy đổi theo tháng hoặc theo giờ trên cơ sở thời giờ làm việc bình thường do người sử dụng lao động lựa chọn theo quy định của pháp luật lao động như sau:

Mức lương quy đổi theo tháng bằng mức lương theo tuần nhân với 52 tuần chia cho 12 tháng; hoặc mức lương theo ngày nhân với số ngày làm việc bình thường trong tháng; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán thực hiện trong thời giờ làm việc bình thường trong tháng.

Mức lương quy đổi theo giờ bằng mức lương theo tuần, theo ngày chia cho số giờ làm việc bình thường trong tuần, trong ngày; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán chia cho số giờ làm việc trong thời giờ làm việc bình thường để sản xuất sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ khoán.

Khi thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định này, người sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát lại các chế độ trả lương trong hợp đồng lao động đã thỏa thuận với người lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy chế, quy định của người sử dụng lao động để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Đối với các nội dung trả lương đã thỏa thuận, cam kết mà có lợi hơn cho người lao động (như chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi qua học tập, đào tạo nghề cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu và chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường) thì tiếp tục được thực hiện, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Người sử dụng lao động không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

*** Ngày 27/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2024/NĐ-CP quy định về giá đất.**

Nghị định này quy định về phương pháp định giá đất quy định tại Điều 158; xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất quy định tại Điều 159; định giá đất cụ thể quy định tại Điều 160; điều kiện hành nghề tư vấn xác định giá đất quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 162; áp dụng phương pháp định giá đất của các trường hợp chuyên tiếp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai.

Nghị định này quy định cụ thể trình tự, nội dung xác định giá đất theo 4 phương pháp gồm: so sánh, thu nhập, thặng dư, hệ số điều chỉnh giá đất.

Nghị định cũng quy định cụ thể việc áp dụng phương pháp định giá đất của các trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai.

1. Trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà theo quy định tại thời điểm ban hành quyết định thuộc trường hợp áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất và trường hợp cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm thì áp dụng bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất tại thời điểm ban hành quyết định. Trường hợp thời điểm ban hành quyết định từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014 mà thuộc trường hợp áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất tại thời điểm ban hành quyết định và trường hợp cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm thì áp dụng bảng giá đất tại thời điểm ban hành quyết định nhân với hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015.

2. Trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà theo quy định tại thời điểm ban hành quyết định không thuộc trường hợp áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất thì áp dụng các phương pháp theo quy định tại các điểm a, b, c Khoản 5, các điểm a, b, c Khoản 6 Điều 158 Luật Đất đai và các điều 4, 5, 6 của Nghị định này.

3. Trường hợp giao đất, cho thuê đất theo tiến độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì tùy từng trường hợp cụ thể để áp dụng các phương pháp định giá đất theo quy định tại (1) và (2) nêu trên theo từng quyết định.

4. Đối với trường hợp (3) nêu trên, khi áp dụng phương pháp thặng dư để định giá đất thì xử lý như sau: a) Trường hợp có đầy đủ điều kiện để ước tính được doanh thu phát triển, chi phí phát triển của thửa đất, khu đất thì xác định doanh thu phát triển ước tính, chi phí phát triển ước tính được thực hiện theo diện tích giao đất, cho thuê đất của quyết định đó; b) Trường hợp không ước tính được đầy đủ doanh thu phát triển của thửa đất, khu đất hoặc chi phí phát triển ước tính lớn hơn doanh thu phát triển ước tính đối với diện tích cần định giá đất thì việc xác định doanh thu phát triển ước tính, chi phí phát triển ước tính được thực hiện cho toàn bộ dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nghị định quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất. Theo đó, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đối với đất phi nông nghiệp, bao gồm: a) Vị trí, địa điểm của thửa đất, khu đất; b) Điều kiện về giao thông: độ rộng, kết cấu mặt đường, tiếp giáp với 01 hoặc nhiều mặt đường; c) Điều kiện về cấp thoát nước, cấp điện; d) Diện tích, kích thước, hình thể của thửa

đất, khu đất; đ) Các yếu tố liên quan đến quy hoạch xây dựng gồm: hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng, giới hạn về chiều cao công trình xây dựng, giới hạn số tầng hầm được xây dựng theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có); e) Hiện trạng môi trường, an ninh; g) Thời hạn sử dụng đất; h) Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với điều kiện thực tế, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đối với đất nông nghiệp, bao gồm: a) Năng suất cây trồng, vật nuôi; b) Vị trí, đặc điểm thửa đất, khu đất: khoảng cách gần nhất đến nơi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; c) Điều kiện giao thông phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: độ rộng, cấp đường, kết cấu mặt đường; điều kiện về địa hình; d) Thời hạn sử dụng đất, trừ đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân theo hạn mức giao đất nông nghiệp, đất nông nghiệp trong hạn mức nhận chuyển quyền thì không căn cứ vào thời hạn sử dụng đất; đ) Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với thực tế, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.

Nghị định nêu rõ: Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất để Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất để xác định mức tương đồng nhất định, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quy định cụ thể hoặc quy định còn thiếu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất thì tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất cụ thể trong báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất để Hội đồng thẩm định giá đất xem xét, quyết định.

Nghị định nêu rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc cung cấp thông tin. Theo đó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, khai thác, sử dụng nguồn thông tin quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 4 và điểm b Khoản 1 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm cung cấp thông tin để phục vụ công tác định giá đất bằng văn bản hoặc phương thức điện tử trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của tổ chức thực hiện định giá đất.

*** Ngày 28/6/2024, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 8/2024/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.**

Theo đó, Học viện Ngoại giao là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao, thực hiện chức năng: Nghiên cứu chiến lược; đào tạo đại học và sau đại học; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu và tư vấn cho Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Các đơn vị trực thuộc Học viện Ngoại giao gồm: Viện Nghiên cứu chiến lược ngoại giao; Viện Biển Đông; Ban Đào tạo đại học và sau đại học; Ban Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ đối ngoại; Ban Khoa học, Thông tin và Tạp chí Nghiên cứu quốc tế; Văn phòng; Khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao; Khoa Luật quốc tế; Khoa Kinh tế quốc tế; Khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại; Khoa Ngoại ngữ.

Hội đồng Học viện là tổ chức quản trị của Học viện Ngoại giao, thực hiện quyền đại diện của Bộ Ngoại giao, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Hội đồng Học viện và Chủ tịch Hội đồng Học viện do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định công nhận và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Ban Giám đốc Học viện gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2024 và thay thế Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao.

*** Ngày 27/6/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 05/2024/TT-BNV quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức.**

1. Viên chức hành chính xét thăng hạng lên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (sửa đổi tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ);

b) Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập được xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật có vị trí việc làm của chức danh viên chức dự xét thăng hạng; c) Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng;

d) Có thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên thì thời gian giữ chức danh chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh chuyên viên không liên tục thì được cộng dồn);

đ) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau: (i) Tham gia xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận; (ii) Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu; (iii) Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy

phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

e) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau: (1) Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên; (2) Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Viên chức hành chính xét thăng hạng lên hạng I khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư này;

b) Có thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên chính thì thời gian giữ chức danh chuyên viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh chuyên viên chính không liên tục thì được cộng dồn);

c) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau: (i) Chủ trì xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận; (ii) Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu; (iii) Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận.

d) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương có một trong các thành tích sau: (1) Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên; (2) Có ít nhất 03 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Viên chức văn thư xét thăng hạng lên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư này;

b) Có thời gian giữ chức danh văn thư viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh văn thư viên thì thời gian giữ chức danh văn thư viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh văn thư viên không liên tục thì được cộng dồn);

c) Trong thời gian giữ chức danh văn thư viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau: (1) Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên; (2) Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Viên chức lưu trữ xét thăng hạng lên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư này;

b) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp lưu trữ viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp lưu trữ viên thì thời gian giữ chức danh nghề nghiệp lưu trữ viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp lưu trữ viên không liên tục thì được cộng dồn);

c) Trong thời gian giữ chức danh lưu trữ viên và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các thành tích công tác sau: (1) Có ít nhất 01 công trình nghiên cứu về lĩnh vực lưu trữ hoặc các lĩnh vực có liên quan: Chủ trì xây dựng đề án chuyên môn, đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên được cấp có thẩm quyền nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu; tác giả của bài báo khoa học về lưu trữ đã công bố trên tạp chí khoa học được tính điểm; tác giả của sáng kiến về lĩnh vực lưu trữ áp dụng có hiệu quả vào hoạt động của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận; biên soạn sách về lĩnh vực lưu trữ và các lĩnh vực có liên quan đã được xuất bản; (2) Có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp lưu trữ được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

5. Trường hợp viên chức được cấp có thẩm quyền quyết định cử dự xét thăng hạng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 3 Thông tư này thì được xác định là đáp ứng yêu cầu về năng lực của hạng chức danh nghề nghiệp dự xét (bao gồm cả kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số).

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định cụ thể xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức kể từ ngày 07/12/2023.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2024.

*** Ngày 27/6/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.**

Theo Thông tư, sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV như sau: “2. Khi xác định cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan, tổ chức hành chính thì không tính cán bộ, công chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý.

Trong thời gian chưa thực hiện trả lương theo chức vụ, chức danh theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được dự thi, xét nâng ngạch tương ứng với mức độ phức tạp của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý nhưng không tính vào cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức.”.

Thông tư này cũng bổ sung các Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c và Điều 2d vào sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Đối với tổ chức cấp vụ và tương đương thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ: a) Ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: Tối đa 40%; b) Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 40%; c) Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ phần trăm (%) các ngạch còn lại.

2. Đối với tổ chức thuộc, trực thuộc tổng cục:

a) Đối với tổ chức cấp vụ và tương đương thuộc tổng cục: Ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: Tối đa 30%; Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 50%; Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

b) Đối với tổ chức trực thuộc tổng cục được tổ chức tại địa phương theo ngành dọc: Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 40%; Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

Điều 2b. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương: a) Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 50%; b) Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

2. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ủy ban nhân dân tỉnh trực thuộc Trung ương: a) Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 40%; b) Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

Điều 2c. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Công chức của các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện giữ các ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm.

Điều 2d. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan, tổ chức khác

Đối với các cơ quan, tổ chức được thành lập theo quy định của Đảng, của pháp luật, được cấp có thẩm quyền giao biên chế công chức nhưng không thuộc đối tượng tại Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c Thông tư này thì người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định áp dụng tỷ lệ % ngạch công chức quy định tại Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô hoạt động của cơ quan sử dụng công chức”.

Thông tư này cũng quy định bỏ cụm từ “theo từng chuyên ngành” tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BNV.

Ngoài ra, Thông tư này cũng sửa đổi Điều 4 về tổ chức thực hiện và sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức như: 1. Sửa đổi Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNV. 2. Bổ sung Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNV.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2024.

*** Ngày 10/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 05/2024/TT-BTP quy định chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.**

Thông tư quy định, cơ quan nhận báo cáo thống kê gồm: 1. Bộ Tư pháp. 2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp. 3. Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp. 4. Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. 5. Tư lệnh cấp quân khu. 6. Cục Thi hành án dân sự. 7. Phòng Thi hành án cấp quân khu. 8. Chi cục Thi hành án dân sự.

Báo cáo thống kê thi hành án dân sự bao gồm báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo thống kê đột xuất:

Báo cáo thống kê định kỳ gồm kỳ báo cáo thống kê 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng, 6 tháng, 7 tháng, 8 tháng, 9 tháng, 10 tháng, 11 tháng, 12 tháng. Kỳ báo cáo thống kê 12 tháng là kỳ báo cáo thống kê năm.

Kỳ báo cáo thống kê được tính bắt đầu từ ngày 01/10 của năm hiện tại, kết thúc vào ngày cuối tháng của các kỳ báo cáo thống kê. Năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước, kết thúc vào ngày 30/9 năm sau.

Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền, nhằm thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước trong thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính. Văn bản của người có yêu cầu báo cáo thống kê đột xuất phải nêu rõ thời gian, thời hạn, nội dung báo cáo thống kê và các yêu cầu khác (nếu có) để cơ quan, cá nhân được yêu cầu thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26/7/2024.

*** Ngày 26/6/2024, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.**

Theo Thông tư, sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL như sau: “3. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.”.

Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL được sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL như sau:

“Điều 13. Tiêu chuẩn thành thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên du lịch quốc tế

1. Người sử dụng thành thạo ngoại ngữ quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 59 Luật Du lịch là người đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây: a) Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên ngành ngôn ngữ hoặc tiếng nước ngoài, ngành phiên dịch tiếng nước ngoài, ngành sư phạm tiếng nước ngoài; b) Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ hoặc tiếng nước ngoài. Trường hợp văn bằng hoặc phụ lục văn bằng không thể hiện ngôn ngữ đào tạo, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo; c) Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, văn bằng hoặc phụ lục văn bằng không thể hiện ngôn ngữ đào tạo, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo; d) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp gồm: Chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tương đương từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương từ bậc B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu hoặc đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.”.

Ngoài ra, cũng sửa đổi theo hướng thay thế cụm từ, bỏ cụm từ tại các điểm, khoản, điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL; bãi bỏ một số điểm của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL và thay thế một số mẫu và Phụ lục kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/8/2024.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành một số quy định mới. Cụ thể:**

- Ngày 28/6/2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký ban hành Thông tư số 12/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

- Ngày 25/6/2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 08/2024/TT-NHNN quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.

Thông tư này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia để thực hiện việc thanh toán và quyết toán giữa các đơn vị tham gia hệ thống thanh toán này bằng đồng Việt Nam (VND), Đô la Mỹ (USD), Đồng tiền chung châu Âu (EUR) và các loại ngoại tệ khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quyết định trong từng thời kỳ.

Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia là hệ thống tổng thể bao gồm: Trung tâm Xử lý Quốc gia; Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng; phần mềm cài đặt tại các thành viên và đơn vị thành viên để xử lý các lệnh thanh toán.

Theo Thông tư quy định, hoạt động của Trung tâm Xử lý Quốc gia gồm: 1. Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ điện tử. 2. Thực hiện xử lý các lệnh thanh toán hợp lệ, lệnh hủy lệnh thanh toán hợp lệ; thông báo theo yêu cầu về lệnh thanh toán và kết quả xử lý lệnh thanh toán cho các thành viên, đơn vị thành viên liên quan đến lệnh thanh toán đó. 3. Đối chiếu lệnh thanh toán với các thành viên, đơn vị thành viên trong Hệ thống TTLNH Quốc gia. 4. Từ chối thực hiện thanh toán các lệnh thanh toán không hợp lệ, lệnh hủy lệnh thanh toán không hợp lệ, lệnh thanh toán gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH Quốc gia ngừng nhận lệnh thanh toán. 5. Từ chối thực hiện thanh toán các lệnh thanh toán giá trị cao, lệnh thanh toán bằng ngoại tệ đối với các thành viên không đủ khả năng thanh toán của loại tiền tương ứng. 6. Thông báo trạng thái lệnh thanh toán cho đơn vị khởi tạo lệnh sau thời điểm ngừng nhận lệnh thanh toán. 7. Tự động gửi tin điện kết quả bù trừ giá trị thấp cho Cấu phần Xử lý tài khoản thanh toán và kiểm tra, đối chiếu số liệu để hạch toán cho các thành viên tham gia quyết toán bù trừ giá trị thấp trong ngày. 8. Xử lý kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Chứng từ sử dụng trong Thanh toán điện tử liên ngân hàng là chứng từ bằng giấy hoặc dưới dạng chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chứng từ kế toán. Cơ sở để lập lệnh thanh toán là các chứng từ sử dụng trong Thanh toán điện tử liên ngân hàng.

Lệnh thanh toán được lập dưới dạng chứng từ điện tử theo đúng mẫu, đáp ứng các chuẩn dữ liệu do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2024.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu ông Lê Văn Dũng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Quảng Nam giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Hồ Thu Ánh.

Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 29/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ông Nguyễn Tri Thức, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy, Bộ Y tế giữ chức Thứ trưởng Bộ Y tế.

Quyết định số 575/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phan Thái Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Nam.

Quyết định số 572/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Nam Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Tam Kỳ.

Quyết định số 453/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Thiếu tướng Lê Anh Tuấn, Phó Tư lệnh Quân khu 1, Bộ Quốc phòng nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/7/2024.

Quyết định số 452/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Trung tướng Dương Đình Thông, Chính ủy Quân khu 1, Bộ Quốc phòng nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/7/2024.

Quyết định số 451/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Thiếu tướng Phùng Quốc Tuấn, Phó Chính ủy Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/7/2024.

* Bộ Thông tin và Truyền thông:

Ông Lê Văn Tuấn, Cục trưởng Cục Tần số Vô tuyến điện được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục An toàn thông tin.

Ông Lê Thái Hoà, Thư ký Bộ trưởng, Bộ Thông tin và Truyền thông được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Tần số Vô tuyến điện. Đồng thời, giao ông Lê Thái Hoà phụ trách, điều hành Cục Tần số Vô tuyến điện cho đến khi có quyết định khác.

Bà Hoàng Thị Phương Lựu, Chánh Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Thư ký Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cho đến khi có quyết định khác.

Ông Nguyễn Khắc Lịch, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông.

Ông Đinh Quang Trung, Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ được giao phụ trách Vụ Khoa học và Công nghệ cho đến khi có quyết định khác.

Ông Nguyễn Hữu Hạnh, Phó Cục trưởng Cục Chuyên đổi số quốc gia được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Kế hoạch - Tài chính.

*** Tòa án nhân dân tối cao:**

Quyết định bổ nhiệm ông Võ Kế Nghiệp, Thẩm phán trung cấp, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, kể từ ngày 01/7/2024.

Quyết định về việc cho thôi giữ chức vụ, chờ đủ tuổi nghỉ hưu đối với bà Lê Thị Minh Hiếu, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

*** Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban Chỉ đạo 389 quốc gia):**

Đại tá Vương Trường Nam, Phó Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm (Bộ đội Biên phòng) được biệt phái đến công tác và giữ chức vụ Phó Chánh văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo 389 quốc gia.

*** TP. Hồ Chí Minh:**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh đã hiệp thương bầu ông Nguyễn Phước Lộc, Phó Bí thư Thành ủy thành phố, đồng thời giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

*** TP. Đà Nẵng:**

Đại tá Đoàn Duy Tân, Thành ủy viên, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự TP. Đà Nẵng được tiếp nhận, phân công, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng.

Ông Trần Thắng Lợi, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, thôi giữ chức Bí thư Quận ủy Hải Châu, nhiệm kỳ 2020 - 2025 được phân công, điều động, giữ chức vụ Trưởng ban Ban Dân vận Thành ủy Đà Nẵng thay ông Lê Văn Trung.

Ông Lê Văn Trung, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Ban Dân vận Thành ủy thôi giữ chức Trưởng ban Ban Dân vận được phân công, điều động đến nhận công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, chỉ định giữ chức vụ Bí thư Đảng Đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, nhiệm kỳ 2019 - 2024; giới thiệu hiệp thương cử giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Bà Cao Thị Huyền Trân, Bí thư Quận ủy Ngũ Hành Sơn thôi giữ chức Bí thư Quận ủy Ngũ Hành Sơn được phân công, luân chuyển đến nhận công tác tại Quận ủy Hải Châu, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Quận ủy, giữ chức vụ Bí thư Quận ủy Hải Châu, nhiệm kỳ 2020 - 2025 thay ông Trần Thắng Lợi.

Bà Mai Thị Ánh Hồng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Đà Nẵng được phân công, điều động đến nhận công tác tại Quận ủy Ngũ Hành Sơn, chỉ định tham gia

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Quận ủy, giữ chức Bí thư Quận ủy Ngũ Hành Sơn, nhiệm kỳ 2020 - 2025 thay bà Cao Thị Huyền Trân.

*** Tỉnh Vĩnh Phúc:**

Ông Trần Việt Cường, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với ông Nguyễn Bá Huy, điều chuyển sang công tác tại Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Ông Nguyễn Xuân Quang thôi giữ chức Bí thư Huyện ủy Vĩnh Tường để bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông Ngô Hữu Mai được bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình.

Ông Lê Văn Kiên thôi giữ chức vụ Giám đốc Sở Giao thông vận tải được điều động, phân công giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân tỉnh.

Ông Nguyễn Văn Độ thôi chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được điều động phân công giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh.

Ông Nguyễn Xuân Phương thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo được điều động, phân công giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.

Ông Đỗ Hữu Vinh thôi chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được điều động, phân công giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

Ông Nguyễn Bá Hiến thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, thôi giữ chức Bí thư Huyện ủy Sông Lô được điều động, phân công giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch.

Ông Trần Quang Ngọc thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Dương được điều động, phân công giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh.

Ông Nguyễn Thanh Tùng thôi chức vụ Giám đốc Sở Tài chính và nghỉ hưu trước tuổi theo quy định, kể từ ngày 01/7/2024.

Ông Nguyễn Đức Tài thôi chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng và nghỉ hưu trước tuổi theo quy định, kể từ ngày 01/7/2024.

*** Tỉnh Quảng Nam:**

Ông Lê Trí Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công, điều động, chỉ định giữ chức Bí thư Đảng Đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, nhiệm kỳ 2019 - 2024 kể từ ngày 04/7/2024; giới thiệu hiệp thương cử giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Bà Nguyễn Thị Thu Lan, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, phân công đến nhận công tác tại Thành ủy Tam Kỳ, chỉ định tham

gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy, giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Tam Kỳ, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Võ Xuân Ca, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng Đoàn, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được phân công, điều động giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.

*** Tỉnh Kon Tum:**

Bà Trương Thị Linh, Bí thư Huyện ủy Ia H'Drai được điều động, phân công và bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy.

*** Tỉnh Đồng Tháp:**

Ông Đoàn Hùng Vũ, Trưởng phòng Phòng Chuyên đổi số và An toàn thông tin được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

Ông Phan Minh Chánh, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tổng hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh.

Ông Nguyễn Tấn Hưng, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

Ông Trương Hòa Châu, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Ông Nguyễn Văn Cận, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao phụ trách điều hành Sở Kế hoạch và Đầu tư, kể từ ngày 01/7/2024 cho đến khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông Lê Hùng Dũng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hồng Ngự được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Văn Khôi, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy Hồng Ngự, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Cà Mau:**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024 đã hiệp thương cử ông Lê Thanh Triều, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Bí thư Đảng đoàn Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khoá IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024 đã hiệp thương cử ông Huỳnh Ngọc Sang, Giám đốc Sở Nội vụ, Ủy viên Đảng đoàn Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khoá IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Nguồn: baochinhpvu.vn